

SỐ GTVT (46)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3206 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Số:.....
ĐẾN Ngày 26-06-2017
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24 tháng 6 năm 2004 và Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;
- Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT;

Căn cứ Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2196/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả công tác bảo dưỡng thường xuyên Quốc lộ theo chất lượng thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ban hành kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-TCĐBVN ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 8046/SGTVT-KT ngày 23 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

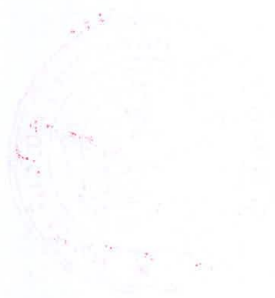
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, PCT/ĐT;
- Ủy ban MTTQVN.TP;
- VPUB: PVP/ĐT;
- Phòng KT, ĐT, TTCB;
- Lưu VT, (ĐT-HS) T. 52

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Khoa



QUY ĐỊNH

Về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành (sau đây gọi tắt là *công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình*) được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Khuyến khích các nhà đầu tư được giao quản lý công trình theo Hợp đồng BOT, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các chủ sở hữu công trình thuộc lĩnh vực giao thông vận tải thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo các nội dung tại Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo trì công trình* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. *Các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh* bao gồm:

2.1. Công trình đường bộ.

2.2. Công trình chiếu sáng công cộng.

2.3. Công trình công viên, cây xanh.

2.4. Công trình thoát nước.

2.5. Công trình đường thủy nội địa.

3. *Đường bộ* gồm: đường, cầu đường bộ, bến phà đường bộ.

4. *Công trình đường bộ* gồm: đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

5. *Công trình chiếu sáng công cộng* gồm: chiếu sáng các công trình giao thông (đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ); chiếu sáng không gian công cộng trong đô thị (quảng trường, công viên, mảng xanh công cộng).

6. *Công trình công viên, cây xanh* gồm: các công viên, mảng xanh, cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị.

7. *Công trình thoát nước* gồm: mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.

8. *Công trình đường thủy nội địa* gồm: luồng chạy tàu thuyền; cảng, bến thủy nội địa; âu tàu, kè, đập; báo hiệu, tín hiệu và các công trình phụ trợ khác.

9. *Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình* là các thao tác kỹ thuật và các hoạt động quản lý cần thiết nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ, thay thế các thiết bị bị hư hỏng lắp đặt vào công trình, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình hoặc bổ sung, sửa chữa một số hạng mục có khối lượng nhỏ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

10. *Cơ quan có thẩm quyền* là Sở Giao thông vận tải.

11. *Đơn vị quản lý* là các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

12. *Đơn vị thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình* là các đơn vị nhận đặt hàng, nhà thầu trúng thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và có ký kết hợp đồng trực tiếp với đơn vị quản lý (sau đây gọi tắt là nhà thầu).

13. *Kiểm tra công trình* là việc xem xét bằng trực quan do những người có trách nhiệm, kinh nghiệm và/hoặc sử dụng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình.

14. *Sửa chữa công trình* bao gồm:

15.1. *Sửa chữa định kỳ công trình* bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

15.2. *Sửa chữa đột xuất công trình* được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG

Điều 3. Quản lý công trình đường

1. Tuần tra đường bộ

Công tác tuần tra đường bao gồm các nội dung công việc như sau:

1.1. Tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về những trường hợp sau đây:

- Những sự cố, hư hỏng mặt đường như: ổ gà, hố sụt nguy hiểm, các vị trí nhồi lún, sụt lở ta luy, lún phui công trình ngầm bị lún, lồi, hầm ga cao hoặc thấp hơn so với mặt đường, nắp hầm kỹ thuật cong, vênh, gây tiếng ồn;

- Những sự cố, hư hỏng của các hệ thống công trình liên quan trong phạm vi đất dành cho đường bộ có ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông và điều kiện khai thác của công trình bao gồm các công trình đường bộ và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Những đoạn đường thường xuyên xảy ra hiện tượng ùn xe, có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông; những vị trí phát sinh chướng ngại vật; những vị trí bị chiếm dụng lòng, lề đường để họp chợ, chứa vật tư; những vị trí mất an toàn trên vỉa hè, lề đường gây cản trở cho người đi bộ; các hư hỏng của trạm dừng, nhà chờ xe buýt; phát hiện những bất cập của hệ thống biển báo;

- Những vị trí bị ngập trên đường do trời mưa hoặc các đoạn đường thường xuyên bị ngập nước do triều cường;

- Các hành vi lấn chiếm, xâm phạm hành lang bảo vệ an toàn đường bộ; các vị trí đầu nối vào đường bộ đang khai thác gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

1.2. Theo dõi việc thi công các công trình trên đường bộ đang khai thác (đơn vị thi công, đơn vị quản lý, thời gian thi công...); nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông phải thông báo ngay đến đơn vị quản lý.

1.3. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý tình trạng xe quá tải lưu thông trên cầu, đường đối với các công trình cầu, đường có giới hạn tải trọng khai thác.

1.4. Xử lý ngay các trường hợp bị hư hỏng nhỏ không cần vật tư như chỉnh sửa cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo, cong vênh, dán giấy che khuất; bu lông bị lỏng, tuột, mé nhánh cây che khuất biển báo hiệu giao thông...).

1.5. Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính: đơn vị thực hiện phải cập nhật các số liệu về duy tu sửa chữa, các diễn biến phát sinh thường xuyên trên đường vào máy vi tính hoặc phần mềm quản lý chuyên ngành và cung cấp cho đơn vị quản lý.

2. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông bao gồm các nội dung công việc như sau:

2.1. Trực gác, hướng dẫn giao thông tại những vị trí phát sinh sự cố gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông; bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông trên đường.

2.2. Thiết lập ngay biển báo hiệu nguy hiểm, hàng rào tại chỗ khi phát hiện bất kỳ sự cố, phát sinh hư hỏng nào có nguy cơ đe dọa đến an toàn giao thông hoặc xảy ra tai nạn giao thông; đồng thời thông báo ngay cho đơn vị quản lý để có biện pháp xử lý kịp thời.

2.3. Dặm vá ngay những ổ gà, hố sụt trong vòng 24 giờ (khối lượng sẽ được tính trong công tác bảo dưỡng thường xuyên). Trường hợp cấp bách phải tiến hành thực hiện ngay bằng mọi giải pháp để đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

2.4. Phối hợp thường xuyên với các đơn vị liên quan để khắc phục mọi sự cố, tình huống ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc làm hư hỏng công trình giao thông.

2.5. Khi xảy ra ùn, tắc hoặc tai nạn giao thông, nhân viên tuần đường phải có mặt để thu thập thông tin, sơ bộ xác định nguyên nhân và báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý cho đơn vị quản lý; thực hiện phối hợp với các lực lượng chức năng để hướng dẫn, điều tiết giao thông.

Việc thống kê theo dõi và phân tích nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông đường bộ giúp cho đơn vị quản lý, cơ quan quản lý biết được vị trí hay đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, biết được nguyên nhân gây ra tai nạn nếu là do kết cấu hạ tầng giao thông (không có biển báo, khuất tầm nhìn, mặt đường trơn trượt hay mặt siêu cao, bán kính đường cong trên bình đồ không phù hợp...) để có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

3. Đăng ký đường

3.1. Các công trình đường khi bắt đầu đưa vào khai thác phải tiến hành đăng ký đường và sau quá trình sử dụng từ 10-15 năm cần đăng ký lại để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

3.2. Hồ sơ đăng ký đường theo hướng dẫn tại Mục 4.2.4.1 Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ (TCCS 07: 2013/TCĐBVN). Các số liệu đăng ký đường được số hóa và lưu trữ trong máy tính của đơn vị quản lý và cập nhật thường xuyên vào phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải.

Điều 4. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường (áp dụng chung cho cả đường dẫn vào cầu, đường dân sinh hai bên cầu, dưới gầm cầu) bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Đắp phụ nền, lề đường.
2. Bạt lề đường.
3. Cắt cỏ bằng máy.
4. Phát quang cây cỏ bằng thủ công.
5. Vét rãnh hở, mương hở, hào kỹ thuật.
6. Vệ sinh mặt đường.
7. Đếm xe, nghiên cứu tổ chức phân luồng giao thông.
8. Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc.
9. Xử lý cao su, sinh lún.
10. Vá ổ gà, cóc găm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường.
11. Sửa chữa khe nứt mặt đường.
12. Bảo dưỡng khe co giãn mặt đường bê tông xi măng.
13. Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng.
14. Sơn biển báo, cột biển báo, dải phân cách, tôn lượn sóng, cọc tiêu, cọc H, cọc Km, mốc lộ giới.
15. Nắn chỉnh, thay thế, bổ sung, biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.
16. Dán lại lớp phản quang biển báo, cột Km, dải phân cách có dán phản quang.
17. Sơn dặm, sơn bổ sung vạch kẻ đường;
18. Vệ sinh sơn đường.
19. Xóa vạch sơn đường.
20. Thay thế tôn lượn sóng.
21. Vệ sinh dải phân cách, mặt biển báo phản quang, tường phòng hộ, tôn lượn sóng.
22. Nắn sửa, vệ sinh, thay thế trụ dèo.

23. Vệ sinh, thay thế, bảo dưỡng mắt phản quang.

24. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CẦU ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Quản lý công trình cầu

1. Tuân tra cầu

Công tác tuân tra cầu bao gồm các nội dung công việc như sau:

1.1. Tuân tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về những trường hợp sau đây:

- Những sự cố, hư hỏng trên mặt, sàn, lan can cầu và lề bộ hành như: mặt cầu bị ổ gà, đọng nước sau mưa; lề bộ hành bị bong tróc bê tông, không bằng phẳng; lan can cầu bị bong tróc bê tông, hoặc lan can thép liên kết hàn bị hở mối nối, cong vênh; cáp treo bị chùng, rỉ sét, có dấu hiệu bị đứt...;

- Khe co giãn mặt cầu không bị bong bật, mấp mô, đọng rác, đất;

- Mái taluy móng cầu và đường đầu cầu bị lún sụp;

- Các hiện tượng hư hỏng, mất cấp hoặc thiết lập không đúng qui định của hệ thống cọc tiêu, biển báo trên cầu và đường vào cầu (biển tải trọng cầu, biển tên cầu, biển báo cấm tụ tập, biển báo thông thuyền ...);

- Những sự cố, hư hỏng hoặc mất mát đèn chiếu sáng công cộng trên cầu;

- Cây xanh mọc ở đầu cầu làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông;

- Các sự cố, hư hỏng hoặc mất mát về các công trình lắp đặt trên cầu như hệ thống cấp điện, cáp bu điện, cấp nước, thoát nước ...;

- Các hành vi chiếm dụng mặt cầu, hành lang cầu để vật tư hoặc trú ngụ, buôn bán hàng rong, neo đậu tàu, thuyền trong phạm vi hành lang an toàn cầu.

1.2. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về các trường hợp phương tiện lưu thông vượt quá tải trọng khai thác của công trình cầu; tình trạng ùn tắc giao thông trên cầu.

1.3. Tình trạng khai thác của các trụ chống va (nếu có).

1.4. Xử lý ngay các trường hợp bị hư hỏng nhỏ không cần vật tư như chỉnh sửa cọc tiêu, biển báo, dải phân cách bị nghiêm, cong vênh; siết chặt các bu lông bị lỏng, tuột, mé nhánh cây che khuất biển báo hiệu giao thông.

2. Kiểm tra cầu

Công tác kiểm tra cầu bao gồm các nội dung công việc như sau:

2.1. Đánh giá tình trạng làm việc của công trình cầu, phát hiện các hư

hông gây mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của công trình cầu, đồng thời theo dõi các hư hỏng đã được đánh dấu từ những lần kiểm tra trước.

2.2. Kiểm tra chi tiết các bộ phận cấu tạo của công trình. Trong trường hợp cần thiết phải có các loại máy chuyên dụng để thăm dò, đo đạc. Kết quả kiểm tra và các số liệu thăm dò, đo đạc, theo dõi những hư hỏng, biện pháp giải quyết, khối lượng cần sửa chữa phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kiểm tra công trình cầu.

2.3. Nếu phát hiện những hư hỏng mà xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn của công trình cầu thì phải báo cáo ngay cho đơn vị quản lý để có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa kịp thời, đảm bảo an toàn giao thông. Đồng thời đơn vị thực hiện phải chủ động áp dụng ngay các biện pháp tạm thời để giữ được an toàn công trình, an toàn giao thông.

2.4. Nội dung kiểm tra cầu:

- Kiểm tra mặt cầu bao gồm: Tình trạng lớp phủ mặt cầu; thoát nước của mặt cầu; các khe co dãn (có bị nứt vỡ, dập nát); các gờ chắn bánh xe, lan can cầu; các biển báo, cột đèn chiếu sáng, tường phòng vệ ở hai đầu cầu;

- Kiểm tra tình trạng của dầm cầu, vòm cầu, cáp chịu lực (đối với cầu dự ứng lực ngoài);

- Kiểm tra tình trạng gối cầu;

- Kiểm tra móng, trụ cầu, kiểm tra sự xói lở chân móng móng trụ, chân khay và 1/4 nón móng; nền mặt đường sau móng;

- Kiểm tra các công trình phòng hộ và điều tiết dòng chảy như: trụ chống va, kè hướng dòng, kè ốp mái nền đường dẫn, kè mép sông v.v... cần chú ý đến sự ổn định của các công trình này (không bị nứt vỡ, sạt lở, nghiêng lún) và đánh giá hiệu quả của công trình đó;

- Kiểm tra việc chiếm dụng trái phép móng, dầm cầu để vật tư hoặc trú ngụ, buôn bán, các hành vi lắp đặt các công trình trái phép trên cầu (như cáp điện, cáp bưu điện, ống cấp nước...);

- Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính: đơn vị thực hiện phải cập nhật các số liệu về duy tu sửa chữa, các diễn biến phát sinh thường xuyên của công trình cầu vào máy vi tính và cung cấp cho đơn vị quản lý.

3. Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính

3.1. Nội dung hồ sơ quản lý cầu bao gồm: hồ sơ hoàn công; hồ sơ đánh giá, kiểm tra công trình; hồ sơ đăng ký và kiểm định cầu; các mốc cao độ, tọa độ, quan trắc; biên bản kiểm tra, nghiệm thu, ảnh chụp... Tất cả các dữ liệu phải được số hóa và được lưu trữ hoặc cập nhật thường xuyên trên phần mềm quản lý.

3.2. Trong quá trình quản lý khai thác, phải bổ sung kịp thời những số liệu thay đổi vào hồ sơ quản lý cầu trên máy vi tính.

4. Đăng ký cầu

4.1. Các công trình cầu khi bắt đầu đưa vào khai thác phải tiến hành đăng ký cầu và sau quá trình sử dụng từ 10-15 năm cần đăng ký lại để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

Giao Sở Giao thông vận tải quy định chi tiết về Mẫu hồ sơ đăng ký cầu để các đơn vị quản lý áp dụng, thực hiện.

4.2. Các số liệu đăng ký cầu phải được số hóa dữ liệu, lưu trữ trong máy tính của nhà thầu và phải thường xuyên cập nhật trong phần mềm của đơn vị quản lý và cơ quan có thẩm quyền.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong công tác quản lý cầu. Hiện đại hóa công tác quản lý cầu bằng các phần mềm chuyên ngành, thiết bị quan trắc, cảm biến.

6. Đối với phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh: Công tác tuần tra đường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 của Quy định này. Khi thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh phải thực hiện cả công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho công trình cầu.

Điều 6. Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu đường bộ

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu đường bộ bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước.
2. Vệ sinh lan can cầu.
3. Vệ sinh khe co giãn cầu, móng cầu, trụ cầu, lan can cầu.
4. Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép, nút liên kết dầm – giàn của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép.
5. Vệ sinh sơn đường.
6. Vệ sinh dải phân cách.
7. Kiểm tra bắt xiết bu lông cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép.
8. Sơn lan can cầu, dầm cầu, móng trụ cầu, các cấu kiện thép.
9. Sơn cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép.
10. Sửa chữa, thay thế lan can cầu.
11. Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón móng cầu.
12. Sửa chữa, thay thế khe co giãn.
13. Bôi mỡ gối cầu thép.

14. Thay thế ống thoát nước.
15. Vá ô gà, bong bật, sửa chữa lún, trôi mặt cầu.
16. Phát quang cây cỏ.
17. Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng).
18. Thanh thải dòng chảy dưới cầu.
19. Trục gác cầu.
20. Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão.
21. Kiểm tra định kỳ.
22. Kiểm định, thử tải cầu.
23. Đo dao động – biến dạng công trình cầu.
24. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương IV

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG, CAMERA QUAN SÁT, BẢNG THÔNG TIN GIAO THÔNG ĐIỆN TỬ

Điều 7. Quản lý, vận hành đèn tín hiệu giao thông

1. Tuân tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt) hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; báo cáo cho đơn vị quản lý để điều chỉnh thời lượng hoạt động của các pha đèn phù hợp với tình hình giao thông. Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

3. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển.

4. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống tín hiệu giao thông.

5. Vệ sinh thiết bị của hệ thống.

Điều 8. Quản lý, vận hành camera quan sát

1. Giám sát, điều khiển từ Trung tâm điều khiển:

1.1. Giám sát giao thông và điều khiển camera từ trung tâm thông qua phần mềm quản lý.

1.2. Lưu trữ dữ liệu hình ảnh của camera về các sự cố giao thông (tai nạn, vi phạm lần tuyến, đi ngược chiều, đua xe...)

1.3. Giám sát tình trạng hoạt động, kết nối của camera.

1.4. Chia sẻ dữ liệu hình ảnh của camera với các đơn vị phối hợp khi cần thiết.

1.5. Tiếp nhận thông tin thực tế để điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông đã kết nối về trung tâm, đảm bảo thông suốt tại giao lộ.

1.6. Tiếp nhận và cung cấp thông tin thực tế về đơn vị quản lý để kịp thời điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông chưa kết nối về trung tâm.

2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):

2.1. Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi tủ điều khiển camera hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố kịp thời: mất tín hiệu, không điều khiển được, mất kết nối.

2.3. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống camera.

2.4. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển.

Điều 9. Quản lý, vận hành bảng thông tin giao thông điện tử

1. Giám sát, điều hành từ Trung tâm điều khiển:

1.1. Khởi động từ xa bằng phần mềm điều khiển.

1.2. Kiểm tra tình trạng kết nối.

1.3. Giám sát trạng thái kết nối của bảng thông tin giao thông điện tử với trung tâm điều khiển, giám sát trạng thái kết nối vào mạng.

1.4. Chuyển qua hiển thị các chương trình mặc định hoặc dừng hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử khi gặp sự cố mất kết nối từ Trung tâm.

1.5. Chụp lại thông tin hiển thị của bảng.

1.6. Thực hiện chức năng quét bảng: kiểm tra tình trạng hoạt động của Led màn hình.

2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):

2.1. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố kịp thời: mất tín hiệu, mất nét, mất kết nối....

2.3. Thường xuyên kiểm tra, ghi nhận và xử lý các sự cố: mất nét, chong tín, mất kết nối....

2.4. Kiểm tra kín nước phía trước, phía sau bảng thông tin giao thông điện tử (hàng ngày).

2.5. Kiểm tra an toàn cơ học, các mối nối, bu long lắp đặt khung cabin và tay vịn (tuần/lần)..

2.6. Kiểm tra kết cấu trụ, khe hở giữa các cabin (tuần/lần).

2.7. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử.

2.8. Đảm bảo thông tin giao thông thực được cung cấp từ đơn vị có liên kết để đưa lên bảng thông tin giao thông điện tử, nhằm cung cấp thông tin giao thông thực cho người tham gia giao thông biết và điều chỉnh lộ trình lưu thông.

Điều 10. Bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông

Công tác bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Sửa chữa, thay thế, bổ sung đèn tín hiệu giao thông các loại (xanh, vàng, đỏ, số đếm lùi, đi bộ, lặp lại và các thiết bị khác thuộc hệ thống).
2. Sửa chữa, thay thế các thiết bị thuộc hệ thống tủ điều khiển.
3. Xử lý chập chập sự cố cấp nổi, cấp ngầm các loại.
4. Thuê bao đường truyền kết nối mạng.
5. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Điều 11. Bảo dưỡng thường xuyên camera quan sát

Công tác bảo dưỡng thường xuyên camera quan sát bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh camera theo định kỳ.
2. Vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị thuộc hệ thống điều khiển.
3. Xử lý sự cố mất kết nối: thay cáp tín hiệu, hàn nối cáp quang, dây nhảy quang.
4. Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.
5. Đo cách điện, nối đất.
6. Sửa chữa, thay thế, bổ sung camera.
7. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Điều 12. Bảo dưỡng thường xuyên bảng thông tin giao thông điện tử

Công tác bảo dưỡng thường xuyên bảng thông tin giao thông điện tử bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh bảng thông tin điện tử theo định kỳ.
2. Đo cách điện, nối đất.
3. Kiểm tra độ sáng, độ đồng màu, quạt làm mát từng cabin, độ lệch về vị trí hiển thị và dữ liệu hiển thị.
4. Kiểm tra điện áp AC và DC, công suất tiêu thụ.

5. Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.
6. Sửa chữa, thay thế bộ nguồn, Board mạch các loại, thiết bị truyền dẫn, modul LED.
7. Xử lý sự cố mất kết nối: thay thế cáp tín hiệu, hàn nối cáp quang, dây nhảy quang.
8. Kiểm tra dữ liệu phát ra từ CPU: đúng dữ liệu, đúng địa chỉ, đúng màu từ dữ liệu mã hóa từ Trung tâm.
9. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương V

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

Điều 13. Quản lý, vận hành công trình chiếu sáng công cộng

1. Đảm bảo hệ thống chiếu sáng công cộng hoạt động ổn định, thời gian hoạt động đúng quy định, đảm bảo an toàn điện của hệ thống.

2. Công tác duy trì trạm đèn, tùy theo tính chất của tuyến đèn để xác định tần suất thực hiện và được thực hiện theo các nội dung công việc như sau:

2.1. Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, tắt và tình hình hoạt động của hệ thống. Phải đảm bảo sáng tối thiểu 98% trên tổng số bộ đèn của tủ điều khiển (ngoại trừ số lượng đèn tắt do tiết giảm, đèn tắt do bị mất cấp dây nguồn); Cập nhật đầy đủ, thường xuyên số liệu quản lý, duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Kịp thời điều chỉnh thời gian hoạt động của hệ thống chiếu sáng theo đúng thời gian quy định (không quá 48 giờ kể từ khi có Thông báo của đơn vị quản lý).

2.2. Theo dõi và đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.

2.3. Kiến nghị đến đơn vị quản lý để sửa chữa thay thế các hư hỏng của thiết bị có liên quan, mất an toàn điện của hệ thống chiếu sáng công cộng. Kịp thời khắc phục ngay những sự cố dẫn đến hệ thống chiếu sáng không hoạt động, gây mất an toàn giao thông, mất an toàn điện.

2.4. Kiểm tra, đo đạc các thông số liên quan về điện năng và ánh sáng. Ghi chép đầy đủ vào phiếu kiểm tra các nội dung nêu trên. Phiếu kiểm tra đặt trong tủ điều khiển để kiểm tra.

3. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng tại Trung tâm điều khiển.

Điều 14. Bảo dưỡng thường xuyên công trình chiếu sáng công cộng

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình chiếu sáng công cộng bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh, bảo dưỡng vật tư, thiết bị của hệ thống.

2. Sửa chữa, thay thế, bổ sung vật tư thiết bị của hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị: các thiết bị của bộ đèn (chip LED, Driver, bóng đèn, kích, ballast, vỏ đèn, tụ điện); trụ đèn; các thiết bị của tủ điều khiển; dây cáp các loại và các thiết bị liên quan.

3. Xử lý chạm chập, sự cố cáp nổi, cáp ngầm các loại; các sự cố khác.

4. Thuê bao đường truyền kết nối mạng.

5. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương VI

QUẢN LÝ, CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG VIÊN, MẢNG XANH VÀ CÂY XANH

Điều 15. Quản lý công viên, mảng xanh và cây xanh

1. Công tác quản lý công viên, mảng xanh:

1.1. Bảo vệ, đảm bảo trật tự trong công viên, mảng xanh: tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ tại công viên, mảng xanh theo đặc thù từng vị trí và yêu cầu của đơn vị quản lý; nhắc nhở và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm nội quy công viên, mảng xanh và các quy định về bảo vệ công viên, mảng xanh; giữ gìn tài sản và trật tự của công viên, mảng xanh; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc đảm bảo an ninh trong khu vực công viên, mảng xanh.

1.2. Quản lý hồ sơ công viên, mảng xanh:

Theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu, bản vẽ về công viên, mảng xanh trên máy tính và lập báo cáo thống kê các thay đổi về hiện trạng, diện tích và khối lượng chi tiết trong công viên, mảng xanh trên địa bàn quản lý.

2. Công tác quản lý cây xanh bóng mát (gồm cả bồn gốc cây)

2.1. Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát: Tổ chức lực lượng tuần tra hệ thống cây xanh bóng mát, bồn gốc cây quản lý nhằm:

- Phát hiện cây nguy hiểm và xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình để có biện pháp xử lý kịp thời; Phát hiện và đề xuất hoặc có biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp cây xanh bóng mát bị sâu bệnh, bị hư hại.

- Phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại đến cây xanh bóng mát, bồn gốc cây.

- Phát hiện và đề xuất xử lý đối với cây xanh bóng mát chưa có trong khối lượng chăm sóc trên các tuyến đường đang quản lý chăm sóc.

2.2. Quản lý hồ sơ cây xanh bóng mát:

Theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu về cây xanh bóng mát trên máy tính và lập báo cáo thống kê các thay đổi về khối lượng, chủng loại, phân loại cây xanh bóng mát trên địa bàn quản lý.

Điều 16. Chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh:

1. Công tác chăm sóc, bảo dưỡng công viên, mảng xanh bao gồm các hạng mục chủ yếu như sau:

1.1. Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền.

1.2. Chăm sóc cây trang trí: hoa ngắn ngày, kiểng có hoa, kiểng lá, cây trở hoa, cây dáng đẹp, cây tạo hình, cây kiểng trồng chậu, cây leo, cây thủy sinh.

1.3. Bứng, di dời cây trang trí.

1.4. Trồng thay thế cây trang trí.

1.5. Vệ sinh trong công viên, mảng xanh: gồm các công việc nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong công viên, mảng xanh, chủ yếu như sau:

- Quét rác, nhặt rác; chà rửa vỉa hè, nền đá, nền cao su, ghế ngồi, thùng rác, nhà vệ sinh; làm cỏ đường đi...

- Vệ sinh hồ nước, hố ga, cống thoát nước, bao gồm công tác chính là: thay nước hồ; vớt rác, lá khô trên mặt hồ và thu gom phế thải, vớt rau bèo trên muống rạch; nạo vét cống rãnh, mức bùn hố ga.

- Thu gom và vận chuyển rác: là công tác thu gom rác về điểm tập kết trong công viên, mảng xanh và vận chuyển đến địa điểm xử lý.

- Vệ sinh tượng, vật kiến trúc; bảo dưỡng tiểu cảnh.

1.6. Bảo dưỡng, vận hành hệ thống tưới tự động, hồ phun nước, sân chơi nước trong công viên, mảng xanh, gồm các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra van điện từ, máy bơm.

- Kiểm tra, vận hành, duy trì tủ điều khiển.

- Kiểm tra, điều chỉnh và vệ sinh vòi, thân phun.

- Xúc rửa đường ống, vệ sinh bể chứa.

- Đo, kiểm tra áp lực kênh tưới.

1.7. Bảo dưỡng thiết bị thể dục thể thao và thiết bị trò chơi thiếu nhi trong công viên, mảng xanh (thiết bị không chuyên động, thiết bị chuyên động):

- Kiểm tra chi tiết chịu lực, chi tiết liên kết, bộ phận chuyển động của thiết bị.

- Vệ sinh thiết bị.

2. Công tác chăm sóc bồn cỏ gốc cây, cây xanh bóng mát bao gồm các hạng mục chủ yếu sau:

2.1. Chăm sóc bồn cỏ gốc cây.

2.2. Chăm sóc cây xanh bóng mát theo phân loại mới trồng, 1, 2 và 3.

2.3. Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ, bứng di dời cây xanh bóng mát.

2.4. Chăm sóc, bứng di dời cây kích thước nhỏ.

2.5. Vẽ mã số quản lý cây xanh bóng mát mới trồng và cây loại 1, 2, 3.

3. Công tác cải tạo, sửa chữa công viên, mảng xanh và trồng bổ sung, trồng thay thế cây bóng mát:

3.1. Cải tạo thảm cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí và trồng bổ sung, trồng thay thế cây xanh bóng mát, bao gồm các công tác: cải tạo đất, trồng cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí bị hư hại hoặc già cỗi với khối lượng cao hơn định mức cho phép; trồng thay thế cây xanh bóng mát sau khi đốn hạ, di dời, trồng bổ sung cây xanh bóng mát; bảo dưỡng sau khi trồng.

3.2. Sửa chữa hạ tầng; sửa chữa, thay thế, bổ sung thiết bị hệ thống tưới tự động và các thiết bị tiện ích khác (dụng cụ tập thể dục, trò chơi thiếu nhi...) trong công viên, mảng xanh.

4. Công tác khác: bao gồm tăng cường hoa kiểng tại các công viên, mảng xanh phục vụ Lễ, Tết; tái lập công viên, mảng xanh bị hư hại do tổ chức Lễ, Hội; cải tạo, chỉnh trang công viên, mảng xanh; cải tạo, chỉnh trang cây xanh bóng mát đường phố và trong công viên, mảng xanh; các công tác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, công tác phát sinh trong quá trình quản lý.

Chương VII

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC

Điều 17. Quản lý, vận hành công trình thoát nước

1. Công tác quản lý, vận hành công trình thoát nước bao gồm các công việc sau:

1.1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa.

1.2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

1.3. Quản lý bùn thải.

Nội dung thực hiện các công việc quản lý công trình thoát nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 25 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị quản lý và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ các quy định về quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015.

Điều 18. Bảo dưỡng thường xuyên công trình thoát nước

Công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước bao gồm các hạng mục công tác chủ yếu như sau:

1. Vận hành, bảo dưỡng mạng lưới đường cống thoát nước mưa, thoát nước thải, cống bao, kênh mương, hồ điều hòa

- 1.1. Nạo vét máng của hầm ga thu nước.
- 1.2. Nạo vét hầm ga và máng.
- 1.3. Nạo vét lòng cống và hầm ga, máng.
- 1.4. Nạo vét hầm ga và máng bằng xe hút bùn.
- 1.5. Nạo vét kênh mương.
- 1.6. Vớt rác trên mặt kênh mương.
- 1.7. Gia cố bờ rạch bằng cừ tràm.
- 1.8. Sửa chữa tường hầm ga.
- 1.9. Sửa chữa miệng thu nước hầm ga.
- 1.10. Nâng khuôn hầm ga.
- 1.11. Thay khuôn.
- 1.12. Thay nắp hầm ga.
- 1.13. Thay máng, lưới.
- 1.14. Lắp đặt lưới chắn rác.
- 1.15. Sửa chữa cống bị sập.
- 1.16. Lắp đặt miệng thu nước.

2. Vận hành, bảo dưỡng hệ thống van ngăn triều

- 2.1. Tra dầu, nhớt tại van ngăn triều.
- 2.2. Vớt rác, nạo vét bùn đất trước cửa van.
- 2.3. Sửa chữa, thay thế van hư hỏng.

3. Vận hành, bảo dưỡng cống kiểm soát triều

3.1. Kiểm tra mực nước thượng và hạ lưu, kiểm tra hệ thống điện, kiểm tra hệ thống thủy lực, vận hành động cơ điện và bơm thủy lực, vận hành.

3.2. Thau rửa, vớt rác kênh rạch (hồ điều tiết).

3.3. Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, động cơ, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor.

3.4. Thay dầu định kỳ cho hệ thống thủy lực.

4. Vận hành, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước

4.1. Kiểm tra mực nước thượng và hạ lưu, kiểm tra khu vực trạm bơm (bể hút, bể xả, hộp đấu nối), kiểm tra khu vực nhà điều khiển bơm, kiểm tra tủ đầu vào, tủ điều khiển và bàn điều khiển trung tâm, vận hành thiết bị máy bơm, vận hành tủ khởi động máy bơm, vận hành bàn điều khiển trung tâm, kiểm tra các thông số khi đang vận hành bơm.

- 4.2. Vớt rác tại hầm bơm.
 - 4.3. Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, khung chắn rác, bơm, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor.
 - 4.4. Bảo dưỡng, sửa chữa máy bơm và thiết bị theo định kỳ (Sửa chữa nhỏ).
 - 4.5. Sửa chữa, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước (Sửa chữa lớn).
 5. Vận hành, bảo dưỡng trạm, nhà máy xử lý nước thải
 - 5.1. Kiểm tra hệ thống điện trước khi vận hành hệ thống.
 - 5.2. Kiểm tra các van trước khi vận hành hệ thống.
 - 5.3. Pha chế hóa chất.
 - 5.4. Vận hành khởi động hệ thống xử lý.
 - 5.5. Vận hành hệ thống.
 - 5.6. Kiểm tra chất lượng nước thải.
 - 5.7. Triển khai kế hoạch sửa chữa, bảo trì trạm xử lý nước thải.
 - 5.8. Sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải.
 - 5.9. Bảo trì các bể xử lý.
 - 5.10. Sửa chữa đường ống công nghệ trong công trình xử lý nước thải.
- Đối với hạng mục công tác thuộc công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước chưa quy định trong Điều này thì áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Chương VIII

QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 19. Quản lý công trình đường thủy nội địa

1. Tuân tra, kiểm tra thường xuyên hệ thống đường thủy

Khu Quản lý đường thủy nội địa trực tiếp giao nhiệm vụ cho các Trạm Quản lý đường thủy nội địa thuộc cơ cấu tổ chức bộ máy của mình thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời về những trường hợp sau đây:

1.1. Phát hiện sự thay đổi luồng lạch do thủy triều, sự cô luồng, bãi cạn, hố xói, công trình vượt sông, chướng ngại vật trên tuyến đường thủy nội địa ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy, an toàn các công trình đề báo cáo, kịp thời đề xuất xử lý.

1.2. Tổ chức điều tiết khống chế đảm bảo giao thông khi cần thiết, đảm bảo an toàn, thông suốt.

1.3. Phát hiện sự xâm hại đến kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

1.4. Phát hiện những sự cố, hư hỏng, xuống cấp đối với hệ thống báo hiệu, kê bờ được phân cấp quản lý; xác định mức độ hư hại (nếu có) đề xuất xử lý.

1.5. Đo mực nước và đếm lưu lượng vận tải lưu thông trên tuyến.

1.6. Quan hệ với địa phương để phối hợp bảo vệ công trình đường thủy nội địa và các công việc khác.

2. Cập nhật sau khi tuần tra; báo cáo, đánh giá, đề xuất hướng xử lý

Hàng tuần, hàng tháng (hoặc đột xuất), các Trạm Quản lý đường thủy nội địa thực hiện tuần tra phải thực hiện:

2.1. Cập nhật, thống kê số liệu về các diễn biến thay đổi luồng, sự cố, hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn được giao quản lý;

2.2. Báo cáo, đánh giá, đề xuất hướng xử lý cho lãnh đạo Khu Quản lý đường thủy nội địa đối với các diễn biến thay đổi luồng, sự cố, hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa

Điều 20. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa

1. Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống báo hiệu

1.1. Thả phao.

1.2. Điều chỉnh phao.

1.3. Chống bồi rùa.

1.4. Trục phao.

1.5. Bảo dưỡng phao, xích.

1.6. Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật.

1.7. Sơn màu: Phao, cột và biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật.

1.8. Chỉnh cột báo hiệu.

1.9. Dịch chuyển cột báo hiệu.

2. Bảo dưỡng thường xuyên ánh sáng đèn hiệu

2.1. Thay đèn.

2.2. Thay thế ắc quy chuyên dùng đèn năng lượng theo niên hạn sử dụng (tuổi thọ ắc quy).

2.3. Thay thế đèn theo niên hạn sử dụng.

2.4. Kiểm tra vệ sinh đèn năng lượng mặt trời.

2.5. Sửa chữa nhỏ, thay thế các linh phụ kiện bị hỏng của đèn.

3. Phát quang cây cối

3.1. Phát quang cây cối che chắn tầm nhìn của báo hiệu.

3.2. Phát quang cây cối mọc trên mái kè, chân khay làm hư hỏng kết cấu.

4. Sửa chữa nhỏ báo hiệu

Sửa chữa, khắc phục những hư hỏng nhỏ của báo hiệu trong năm sử dụng nhằm khôi phục lại năng lực làm việc của báo hiệu theo tiêu chuẩn ban đầu gồm: hàn, vá những chỗ bị han gỉ nặng và thay thế chi tiết đã hỏng. Việc sửa chữa báo hiệu kết hợp bảo dưỡng định kỳ.

5. Duy tu sửa chữa kết cấu kè.

6. Duy tu luồng sông, kênh, rạch được phân cấp quản lý

6.1. Thanh thải chướng ngại vật trên luồng không xác định được chủ sở hữu.

6.2. Nạo vét luồng cạn, bãi cạn.

6.3. Lắp hố xói.

Chương IX QUẢN LÝ KHỐI LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Điều 21. Khối lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1. Khối lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng năm được xác định theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này là cơ sở để lập kế hoạch công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng năm.

2. Đối với công tác khắc phục sự cố công trình, khắc phục hậu quả bão, lũ, các đơn vị quản lý phải triển khai thực hiện thi công ngay để bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ kết cấu công trình theo hình thức vừa thiết kế vừa thi công, nhưng vẫn phải lập đầy đủ các hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 22. Nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1. Công tác nội nghiệp

Căn cứ theo các yêu cầu về công tác lưu giữ và cập nhật số liệu trong hồ sơ, tài liệu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình.

2. Tại hiện trường

2.1. Kiểm tra và nghiệm thu toàn bộ các công trình có thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

2.2. Kiểm tra và nghiệm thu từng công trình để đánh giá tổng quát các mục tiêu theo yêu cầu.

3. Đối với công tác quản lý, vận hành công trình: Nghiệm thu trên cơ sở chất lượng thực hiện, theo tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt".

4. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình: Nghiệm thu theo một trong hai hình thức như sau:

- Nghiệm thu trên cơ sở chất lượng thực hiện, theo tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt"; hoặc

- Nghiệm thu theo hình thức thực thanh, thực chi.

Khuyến khích các đơn vị quản lý nghiệm thu theo hình thức trên cơ sở chất lượng thực hiện.

5. Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị quản lý thực hiện nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình trên cơ sở chất lượng thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố Hồ Chí Minh.

Chương X

ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Điều 23. Đảm bảo an toàn giao thông

1. Trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình phải tuyệt đối đảm bảo an toàn cho người trực tiếp thi công, người tham gia giao thông và các phương tiện lưu thông bên ngoài khu vực thi công.

2. Yêu cầu về công tác đảm bảo an toàn giao thông

2.1. Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông phải tuân thủ theo đúng quy định về thi công trên đường bộ đang khai thác và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2.2. Phải lắp đặt đầy đủ các biển báo hiệu, sơn đường, đèn báo hiệu, lắp dựng rào chắn; tổ chức hướng dẫn, điều tiết, phân luồng giao thông... theo đúng quy định về thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Riêng đối với các tuyến đường có mật độ giao thông cao, các tuyến Quốc lộ, phải có đèn báo hiệu kể cả khi thi công vào ban ngày.

2.3. Các dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng công trình chỉ được phép đặt và di chuyển trong phạm vi đã rào chắn.

2.4. Cán bộ, công nhân làm việc tại hiện trường phải mặc quần áo bảo hộ lao động có phản quang.

2.5. Khi cần bố trí người điều khiển giao thông thì người điều khiển giao thông phải được trang bị trang phục bảo hộ, đầy đủ cờ, còi, phù hiệu.

Điều 24. Đảm bảo an toàn lao động

Khi thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình phải thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động theo các quy định về đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công công trình.

Điều 25. Bảo vệ môi trường

1. Trong quá trình bảo dưỡng thường xuyên công trình cần tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

2. Khi tiến hành các hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình phải thực hiện tốt các quy tắc trật tự vệ sinh, an toàn, không gây ô nhiễm môi trường nước, không khí... Các phương tiện vận chuyển vật liệu phải được che chắn, không để rơi vãi trên đường.

3. Tuyệt đối không đun nhựa trên đường và phải dùng thiết bị chuyên dụng để làm nóng nhựa đường.

4. Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của tiếng ồn, khói xả do xe máy thi công gây ra trong quá trình bảo dưỡng thường xuyên đường bộ tại các khu dân cư bằng cách bố trí thời gian thi công hợp lý.

5. Khi kết thúc công việc bảo dưỡng thường xuyên phải thu dọn gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ mặt bằng trong phạm vi thi công.

Chương XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các công trình cấp đặc biệt, công trình có kết cấu đặc thù riêng như: cầu dây văng, cầu treo dây võng, cầu vòm, cầu vượt đường bộ bằng thép, cầu dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực liên tục; các cầu đã được tăng cường sửa chữa bằng công nghệ dự ứng lực ngoài (như cầu Bình Phước 1, cầu Sài Gòn 1, cầu Tân Thuận 1, cầu Chữ Y), trong khi chờ lập và phê duyệt quy trình bảo trì riêng theo quy định thì được phép áp dụng các nội dung công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo Quy định này.

2. Đối với các công trình có quy trình bảo trì riêng thì tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy trình bảo trì đã được phê duyệt.

3. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì các công trình cần phải lập quy trình bảo trì riêng theo đúng quy định. Riêng đối với các công trình cấp đặc biệt, giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định quy trình quản lý, vận hành, bảo trì công trình trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

4. Trường hợp sửa chữa công trình, bổ sung, thay thế thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thì đơn vị quản lý tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình (như đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản).

5. Đối với các công trình đường bộ đang khai thác nhưng đã được bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo: Trong khi chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý để đưa công trình vào khai thác sử

dụng (hoặc đang trong thời gian bảo hành), Sở Giao thông vận tải căn cứ vào tình hình thực tế và các nội dung quy định tại Quy định này để thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên cho phù hợp nhằm bảo đảm an toàn giao thông.

6. Đối với công tác kiểm tra định kỳ, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình các đơn vị quản lý phải tổ chức lập đề cương - dự toán trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

7. Trường hợp trong quá trình thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng thường xuyên công trình có phát sinh các hạng mục công việc không có trong quy định này thì áp dụng theo các Tiêu chuẩn kỹ thuật, các Bộ định mức hiện hành có liên quan. Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị quản lý thống nhất áp dụng đối với trường hợp này theo đúng quy định.

8. Riêng đối với lĩnh vực quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng công viên, cây xanh, giao Sở Giao thông vận tải tiếp tục hoàn chỉnh các nội dung về quản lý không gian xanh và cây xanh theo cấp độ; trong quá trình xây dựng nếu có thay đổi về định ngạch so với nội dung tại Quy định này, giao Sở Giao thông vận tải chủ động xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Khoa



PHỤ LỤC 1
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Tuần tra đường bộ	Hàng ngày
2	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Hàng ngày
3	Đăng ký đường	Từ 10-15 năm đăng ký 01 lần

Ghi chú: Đối với hạng mục đăng ký đường, các đơn vị quản lý phải lập đề cương, dự toán trình Sở Giao thông vận tải thông qua trước khi triển khai thực hiện.

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch		
			Mặt đường BTN	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường BTXM
1	Đắp phụ nền, lề đường	m ³ /km/năm	30	30	30
2	Bạt lề đường.	m ³ /km/năm	2	2	2
3	Cắt cỏ bằng máy.	lần/năm	8	8	8
4	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	lần/năm	8	8	8
5	Vét rãnh hờ, mương hờ, hào kỹ thuật	lần/năm	8	8	8
6	Vệ sinh mặt đường	lần/tháng	4 đến 8	4 đến 8	4 đến 8
7	Đếm xe	lần/trạm/tháng	1	1	1
8	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc	m ² /km/năm	250	250	
9	Xử lý cao su, sinh lún	m ² /km/năm	45	45	
10	Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường	m ² /km/năm	100	100	
11	Cào bóc, thảm mặt đường bê tông nhựa	m ² /km/năm	1000	1000	
12	Sửa chữa khe nứt mặt đường	m ² /km/năm	1000	1000	100
13	Bảo dưỡng khe co giãn mặt đường bê tông xi măng	m/km/năm			20
14	Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng	m/km/năm			10
15	Sơn biển báo, cột biển báo, dải phân cách, tôn lượn sóng, cọc tiêu, cọc H, cọc Km, mốc lộ giới	% tổng diện tích/năm	30	30	30
16	Nấn chỉnh, tu sửa biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.	% tổng số lượng/năm	5	5	5

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch		
			Mặt đường BTN	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường BTXM
17	Thay thế, bổ sung biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.	% tổng số lượng/năm	1	1	1
18	Dán lại lớp phản quang biển báo, cột Km, dải phân cách có dán phản quang	% tổng diện tích/năm	10	10	10
19	Sơn dặm, sơn bổ sung vạch kẻ đường; xóa vạch kẻ đường	% tổng diện tích/năm	50	50	50
20	Thay thế tôn lượn sóng	% tổng chiều dài hoặc số tấm/năm	1	1	1
21	Vệ sinh dải phân cách, mặt biển báo phản quang, tường phòng hộ, tôn lượn sóng	lần/năm	12 đến 24	12 đến 24	12 đến 24
22	Vệ sinh vạch sơn đường	lần/tháng	2	2	2
23	Nắn sửa, vệ sinh trụ dèo	lần/năm	4	4	4
24	Thay thế trụ dèo	% tổng số trụ/năm	2	2	2
25	Vệ sinh mắt phản quang	lần/năm	4	4	4
26	Thay thế mắt phản quang	% tổng số lượng/năm	1	1	1

Ghi chú: Khối lượng công tác bảo dưỡng có số thứ tự 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 ở trên là khối lượng tính cho đường có bề rộng mặt đường 7,0m và đường mới đưa vào khai thác sử dụng. Đối với các loại đường khác, căn cứ vào bề rộng mặt đường, thời gian khai thác và lưu lượng phương tiện giao thông, lấy hệ số điều chỉnh tại các bảng sau:

Bảng 1: Hệ số điều chỉnh theo bề rộng mặt đường

TT	Loại mặt đường	Mặt đường tính toán		Mặt đường cần điều chỉnh	
		Bề rộng (m)	Hệ số	Bề rộng (m)	Hệ số
1	Bê tông nhựa	7,0	1	6,0	0,97
2	Bê tông xi măng	7,0	1	6,0	0,98
3	Đá dăm nhựa	7,0	1	6,0	0,92

(Đối với mặt đường có bề rộng khác thì dùng phương pháp nội hoặc ngoại suy).

Bảng 2: Hệ số điều chỉnh theo thời gian khai thác công trình

TT	Loại mặt đường	1-3 năm	4-6 năm	7-9 năm	Trên 9 năm
		Tốt	Vừa	Xấu	Rất xấu
1	Bê tông nhựa 2 lớp	0,55 – 0,63	0,67 – 0,75	1,0	1,2
2	Bê tông nhựa 1 lớp	0,57 – 0,69	0,75 – 0,88	1,2	1,4
3	Bê tông xi măng	0,53 – 0,58	0,60 – 0,65	0,8	1,0
4	Đá dăm nhựa	0,58 – 0,72	0,79 – 0,93	1,3	1,5

Ghi chú: Căn cứ vào loại kết cấu mặt đường, các hệ số được xác định như sau:

- Đối với đường có hệ thống thoát nước hoặc có khả năng thoát nước tự nhiên, lấy hệ số cận dưới.
- Đối với đường có tình trạng ngập nước do triều cường, lấy hệ số trung bình của hệ số cận dưới và cận trên.
- Đối với đường không có hệ thống thoát nước mà không có khả năng thoát nước tự nhiên, lấy hệ số cận trên.

Bảng 3: Hệ số điều chỉnh theo lưu lượng giao thông

TT	Loại đường	Hệ số
1	Đường Quốc lộ	1,6
2	Đường trục chính có lưu lượng giao thông lớn	1,3
3	Đường thuộc khu vực trung tâm	1,1

Bảng 4: Thời hạn sửa chữa định kỳ công trình đường bộ

TT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	5	12
2	Bê tông xi măng	8	24
3	Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen	3	9
4	Thảm nhập nhựa; láng nhựa 2, 3 lớp	3	6

Ghi chú:

- *Sửa chữa vừa* là sửa chữa những hư hỏng, khắc phục những biểu hiện xuống cấp của bộ phận, kết cấu công trình có thể ảnh hưởng đến chất lượng khai thác đường bộ và gây mất an toàn khai thác.
- *Sửa chữa lớn* là công việc sửa chữa tiến hành khi có hư hỏng hoặc xuống cấp ở nhiều bộ phận công trình nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của công trình.



PHỤ LỤC 2
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG
TRÌNH CẦU ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Tuần tra cầu	Hàng ngày
2	Kiểm tra cầu	01 lần/tháng
3	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính	01 lần/tháng
4	Đăng ký cầu	Từ 10-15 năm đăng ký 1 lần

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Sửa chữa, thay thế lan can cầu bằng bê tông	% tổng chiều dài lan can/năm	1
2	Sơn lan can cầu, dầm cầu, móng trụ cầu, các cấu kiện thép	% tổng diện tích/năm	30
3	Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón móng cầu	m ³ /cầu/năm	0,4
4	Bôi mỡ gối cầu thép	lần/năm	2
5	Vệ sinh mặt cầu, khe co giãn, ống thoát nước	lần/tháng	4 đến 8
6	Thay thế ống thoát nước	% tổng chiều dài ống/năm	1
7	Sửa chữa, thay thế khe co giãn thép	% tổng chiều dài khe co giãn/năm	2
8	Sửa chữa, thay thế khe co giãn cao su, khe co giãn cao su bản thép	% tổng chiều dài khe co giãn/năm	20
9	Vệ sinh móng cầu, lan can cầu	lần/năm	4 đến 8
10	Vệ sinh trụ cầu	lần/năm	1
11	Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún, trôi mặt cầu	% tổng diện tích mặt cầu/năm	3
12	Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép, nút liên kết dầm – giàn của cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép	lần/năm	2
13	Sơn cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép	m ² /mđài cầu/năm	0,3
14	Kiểm tra bắt xiết bu lông cầu thép, dầm thép, cầu liên hợp thép – bê tông cốt thép	lần/năm	2
15	Phát quang cây cỏ	lần/năm	6

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
16	Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng);	lần/năm	6
17	Thanh thải dòng chảy dưới cầu	lần/năm	12
18	Vệ sinh lan can cầu	lần/năm	2
19	Trực gác cầu, hầm đường bộ, trạm bơm	-	Hàng ngày
20	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão	lần/năm	2
21	Kiểm tra định kỳ	lần/2năm	1
22	Đo dao động – biến dạng	lần/năm	1
23	Kiểm định, thử tải	-	Theo chu kỳ

3. Chu kỳ kiểm định, thử tải cầu

TT	Loại kết cấu	Cầu đưa vào khai thác sử dụng dưới 20 năm	Cầu đưa vào khai thác sử dụng từ 20 năm trở lên
1	Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực	10	7
2	Cầu bê tông cốt thép thường	8	5
3	Cầu dầm thép	6	4
4	Cầu dầm thép-bê tông liên hợp	6	4
5	Cầu dầm bản bê tông cốt thép	6	4
6	Cầu vòm	4	4
7	Cầu dàn thép	4	3
8	Các loại cầu khác	4	3

Ghi chú: Trường hợp trong quá trình khai thác, sử dụng xuất hiện các yếu tố làm tăng nguy cơ mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến điều kiện khai thác bình thường của công trình, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm đánh giá tình hình để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm định, thử tải đột xuất nhằm kiểm tra khả năng đáp ứng về điều kiện khai thác của công trình cầu.



PHỤ LỤC 3
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG
XUYÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Định ngạch
I	Quản lý vận hành đèn tín hiệu giao thông (xanh – vàng - đỏ) (tính cho 1 tủ)	
1	Tiếp nhận thông tin sửa chữa	Hàng ngày
2	Kiểm tra đo thông số định kỳ hệ thống đèn	1 lần/năm
3	Ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt)	Hàng ngày
II	Quản lý vận hành hệ đèn tín hiệu giao thông (đèn chớp vàng) (tính cho 1 tủ)	
1	Tiếp nhận thông tin sửa chữa	Hàng ngày
2	Kiểm tra đo thông số định kỳ hệ thống đèn	1 lần/năm
3	Ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt)	Hàng ngày

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
	Hệ thống tín hiệu giao thông		
1	Bo nguồn, bo điều khiển, bo đèn các loại	Năm	10
2	Bộ nguồn, biến áp, bộ chuyển đổi điện áp, bộ điều khiển sạc	Năm	5
3	Kính đèn THGT (nhựa, mica)	Năm	3
4	Bóng đèn LED các loại	Năm	3
5	Vỏ đèn THGT các loại bằng nhựa	Năm	2
6	Vỏ đèn THGT các loại bằng kim loại	Năm	5
7	Bình ắc quy	Năm	5
8	Bộ chuyển đổi quang điện, thiết bị đầu cuối ADSL, bộ chống sét	Năm	10
9	Card điều khiển trung tâm, card nguồn, card công suất, card điều khiển hiển thị, card giải mã, bo chuyển đổi tín hiệu các loại	Năm	3
10	Bộ điều khiển lập trình PLC 2P, 3P	Năm	3
11	Bộ ruột điều khiển THGT (sử dụng PLC)	Năm	3
12	Bộ ruột điều khiển THGT (sử dụng vi xử lý)	Năm	3
13	Cáp quang, cáp mạng, cáp video	Năm	5
14	Đèn báo các loại	Năm	5

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
15	Bộ đèn, mặt đèn LED THGT các loại	Năm	3
16	Mãng sóng quang	Năm	3
17	Nút nhấn cho người đi bộ, công tắc xoay	Năm	3
18	Bảng năng lượng mặt trời	Năm	5
19	Hộp ODF	Năm	2
20	Rơ le các loại	Năm	5
21	Vỏ tủ điều khiển các loại	Năm	3
22	Trụ đèn các loại	Năm	3



PHỤ LỤC 4
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG
XUYÊN CAMERA QUAN SÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Đóng, ngắt, kiểm tra lưới điện, thiết bị camera, tủ, cáp	Hàng ngày
2	Giám sát giao thông và điều khiển camera.	Hàng ngày
3	Lưu trữ dữ liệu hình ảnh các sự cố giao thông.	Hàng ngày
4	Giám sát tình trạng kết nối của camera.	Hàng ngày
5	Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi tủ điều khiển camera.	Hàng ngày
6	Kiểm tra thông số kỹ thuật định kỳ hệ thống camera.	1 lần/năm

3. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định ngạch
1	Vệ sinh định kỳ camera.	Lần/quý	1
2	Vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị tủ điều khiển (bộ chuyển đổi quang/điện, bộ nguồn cấp camera, switch,...).	Lần/quý	1
3	Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.	Lần/năm	0,5
4	Kính bảo vệ	năm	3
5	Thấu kính	năm	4
6	Mô tơ quay quét	năm	4
7	Bộ chuyển đổi quang /điện, điện/ quang	năm	3
8	Bộ nguồn POE	năm	3
9	Giá đỡ camera	năm	3
10	Trụ gắn camera các loại	năm	10
11	Vỏ tủ điều khiển	năm	3





PHỤ LỤC 5

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẢNG THÔNG TIN GIAO THÔNG ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành:

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Đóng, ngắt, kiểm tra lưới điện, thiết bị bảng thông tin giao thông điện tử, cáp	Hàng ngày
2	Khởi động từ xa bằng phần mềm điều khiển.	Hàng ngày
3	Kiểm tra tình trạng kết nối.	Hàng ngày
4	Giám sát trạng thái kết nối của bảng: trạng thái kết nối vào mạng.	Hàng ngày
5	Thực hiện chức năng quét bảng: kiểm tra tình trạng hoạt động của Led.	Hàng ngày
6	Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử về tình hình hoạt động của hệ thống.	Hàng ngày
7	Kiểm tra, ghi nhận và xử lý các sự cố: mất nét, chùng tin, mất kết nối....	Hàng ngày
8	Kiểm tra kín nước phía trước, phía sau bảng thông tin giao thông điện tử.	01 lần/tuần
9	Kiểm tra an toàn cơ học, các mối nối, bu long lắp đặt khung cabin và tay vịn...	01 lần/quý
10	Kiểm tra kết cấu trụ, khe hở giữa các cabin.	01 lần/quý

4. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Vệ sinh bảng thông tin điện tử định kỳ.	Lần/năm	1
2	Đo cách điện, nối đất.	Lần/năm	1
3	Kiểm tra độ sáng, độ đồng màu, quạt làm mát từng cabin, độ lệch về vị trí hiển thị và dữ liệu hiển thị.	Lần/năm	1
4	Kiểm tra điện áp AC và DC, công suất tiêu thụ.	Lần/năm	1
5	Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.	Lần/năm	1
6	Thay thế các thiết bị tủ điều khiển (RCBO, RCCB, CB...).	Cái	2
7	Kiểm tra dữ liệu phát ra từ CPU: đúng dữ liệu, đúng địa chỉ, đúng màu từ dữ liệu mã hóa từ Trung tâm.	Lần/tháng	1
8	Modul Led	năm (tuổi thọ)	5
9	Quạt giải nhiệt	năm (tuổi thọ)	3
10	Bộ chuyển đổi quang /điện, điện/ quang	năm (tuổi thọ)	3
11	Bộ nguồn	năm (tuổi thọ)	3
12	Trụ tay vịn lắp đặt bảng thông tin điện tử	năm (tuổi thọ)	10
13	Vỏ tủ điều khiển	năm (tuổi thọ)	3



PHỤ LỤC 6

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Duy trì trạm đèn (tính cho 1 trạm đèn)	Ngày/tuần	6
2	Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra tín hiệu trực máy	Lần/Tháng	1
3	Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối	Ngày/tuần	6
4	Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện	Lần/Tháng	1
5	Kiến nghị sửa chữa thay thế	Ngày/tuần	6

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
1	Bộ đèn Led	Giờ	50.000
2	Bóng đèn Sodium cao áp (HPS)	Giờ	12.000
3	Ballast đèn HPS	Giờ	12.000
4	Ballast đèn TNCA	Giờ	6.000
5	Chóa đèn HPS	Năm	10
6	Tụ điện	Giờ	12.000
7	Trụ beton	Năm	50
8	Trụ sắt, trụ thép nhúng kẽm nóng	Năm	10
9	Dây điện bọc các loại	Năm	10
10	Cầu dao điện các loại	Năm	2
11	Khởi động từ và cầu dao tự động	Năm	5
12	Tế bào quang điện	Giờ	6.000
13	Đồng hồ hện giờ	Giờ	10.000
14	Bộ bảo vệ điện áp	Giờ	10.000
15	Tủ điện các loại	Năm	5
16	Cần đèn	Năm	10
17	Bảo dưỡng chóa đèn	Lần/năm	1
18	Bảo dưỡng mô tơ, tời cáp, puli của kết cấu nâng hạ giàn đèn	Lần/năm	2
19	Sơn cột đèn sắt	Lần/năm	1

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
1	Bộ đèn Led	Giờ	50.000
20	Son đánh số trụ	Lần/năm	1
21	Vỏ đèn các loại bằng kim loại	Năm	10
22	Bộ điều khiển lập trình PLC 10I/O	Năm	10
23	Cáp thép	Năm	5
24	Hộp nhựa các loại	Năm	5
25	Hộp nối cáp kín nước	Năm	2
26	Ống bảo vệ cáp nổi (PVC, HDPE)	Năm	3
27	Ống bảo vệ cáp ngầm (PVC, HDPE)	Năm	10
28	MCCB, RCCB, RCBO	Năm	10
29	Vỏ tủ điều khiển chiếu sáng	Năm	3
30	UDC, UCL, MIC	Năm	5
31	ITD, DCM, UTR, DCP, DFM40T-E(DFLT)	Năm	5



PHỤ LỤC 7

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, CHĂM SÓC VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG VIÊN, MẢNG XANH, CÂY XANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Công tác quản lý, chăm sóc và bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh được thực hiện theo các cấp độ quản lý. Cấp độ quản lý công viên, mảng xanh được Sở Giao thông vận tải quyết định, gồm 4 cấp như sau:

- Cấp 1: không gian xanh cao cấp (KGXCC).
- Cấp 2: không gian xanh mỹ quan (KGXMQ).
- Cấp 3: không gian xanh thân thiện (KGXTT).
- Cấp 4: không gian xanh tự nhiên (KGXTN).

Công tác quản lý, chăm sóc và bảo dưỡng thường xuyên cây xanh bóng mát được thực hiện theo các cấp độ quản lý. Cấp độ quản lý cây xanh bóng mát được Sở Giao thông vận tải quyết định, gồm 5 cấp như sau:

- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 1 (Đường phố trọng điểm).
- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 2 (Đường phố đông dân cư hoặc mật độ lưu thông cao).
- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 3 (Đường phố thưa dân cư và mật độ lưu thông thấp).
- Cây xanh bóng mát trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt.
- Cây xanh bóng mát trong mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ giao thông.

I. Khối lượng công tác quản lý:

1. Công tác quản lý công viên, mảng xanh:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXCC	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXTN
1	Bảo vệ công viên, mảng xanh	ngày/ năm	365	365	365	365
			<i>(Bố trí lực lượng bảo vệ theo thực tế và yêu cầu của công tác quản lý)</i>			
2	Quản lý hồ sơ công viên, mảng xanh: theo dõi, cập nhật số liệu, bản vẽ về công viên, mảng xanh và lập báo cáo thay đổi	lần/ năm	12	12	12	12

2. Công tác quản lý cây xanh bóng mát (gồm cả bồn cỏ gốc cây)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch
1	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát, bồn cỏ gốc cây.		

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch
	- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 1	lần/năm	365
	- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 2	lần/năm	365
	- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 3	lần/năm	365
	- Cây xanh bóng mát trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt	lần/năm	52
	- Cây xanh bóng mát trong mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ giao thông.	lần/năm	4
2	Quản lý hồ sơ cây xanh bóng mát: theo dõi, cập nhật và lập báo cáo thống kê các thay đổi đối với khối lượng, chủng loại, phân loại cây xanh bóng mát trên địa bàn quản lý	lần/năm	12

II. Khối lượng công tác chăm sóc, bảo dưỡng

1. Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền, hoa ngắn ngày, kiểng có hoa, kiểng lá, cây trở hoa, cây dáng đẹp, cây tạo hình, cây cắt xén, cây kiểng trồng chậu, cây leo, cây thủy sinh.

Công tác chăm sóc theo 4 mức độ được áp dụng tương ứng cho 4 cấp độ quản lý công viên, mảng xanh công cộng như sau:

TT	Cấp độ quản lý	Mức độ chăm sóc (chủ yếu)
1	Cấp 1 – Không gian xanh cao cấp	Mức độ 1 – chăm sóc đặc biệt
2	Cấp 2 – Không gian xanh mỹ quan	Mức độ 2 – chăm sóc tỉ mỉ
3	Cấp 3 – Không gian xanh thân thiện	Mức độ 3 – chăm sóc duy trì
4	Cấp 4 – Không gian xanh tự nhiên	Mức độ 4 – chăm sóc tự nhiên

Cụ thể về các mức độ chăm sóc như sau:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
1	Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền					
1.1	Thảm cỏ					Cỏ tự nhiên
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	30
	Phát thảm cỏ	lần/năm	12	10	8	4
	Làm cỏ tạp, cây dại	lần/năm	12	10	4	Không
	Xén lề cỏ	lần/năm	12	10	Không	Không
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	2	2	1	Không
	Bón phân vô cơ	lần/năm	2	2	1	Không
	Phòng trừ sùng cỏ	lần/năm	2	2	2	Không
	Trồng dặm (tỷ lệ theo diện tích thảm cỏ)	%/năm	12	10	5	Không

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
1.2	Cây che phủ nền					
	Tưới nước	lần/năm		140	100	
	Phát thăm cây che phủ	lần/năm		6	4	
	Làm cỏ tạp, cây dại	lần/năm		6	4	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm		1	1	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích cây che phủ</i>)	%/năm		10	Không	
2	Chăm sóc cây trang trí					
2.1	Hoa (ngắn ngày)					
	Thay hoa	lần/năm	12	10		
	Tưới nước	lần/năm	200	190		
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	12	10		
	Bấm tia hoa tàn, lá vàng	lần/năm	104	52		
	Nhỏ cỏ dại, xới phá váng	lần/năm	12	8		
2.2	Kiểm có hoa					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	8	6	4	
	Bấm tia hoa tàn, lá vàng	lần/năm	104	52	0	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	4	2	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	6	4	2	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6	2	
	Nhỏ cỏ dại, xới phá váng	lần/năm	12	10	8	
	Thay kiềng có hoa	lần/năm	4	2	Khi cần	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích kiềng có hoa không thực hiện công tác thay kiềng</i>)	%/năm	20	15	10	
2.3	Kiểm lá					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	8	6	3	
	Bấm tỉa lá vàng, lá gãy dập	lần/năm	104	52	0	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	3	2	2	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	3	2	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	4	2	
	Nhỏ cỏ dại, xới phá váng	lần/năm	12	10	8	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích kiềng lá</i>)	%/năm	20	15	10	
2.4	Cây trồng hoa					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	12	8	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	2	1	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	2	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6	4	
	Nhỏ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12	6	
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.5	Cây dáng đẹp					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	12	6	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	2	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	2	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6	2	
	Nhỏ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12	6	
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.6	Cây tạo hình					
	Tưới nước	lần/năm	190	170		
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	12	12		
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	3		
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	3		
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	4		
	Nhỏ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12		
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.7	Cây kiểng trồng chậu					
	Tưới nước	lần/năm	200	190		
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật					
	- Đối với cây trở hoa	lần/năm	12	8		
	- Đối với cây dáng đẹp	lần/năm	12	6		
	- Đối với cây tạo hình	lần/năm	12	12		
	Bón phân	lần/năm	4	3		
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6		
	Nhỏ cỏ, xới phá váng	lần/năm	12	12		
	Thay đất, phân chậu cây	lần/năm	01	01		
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.8	Cây cắt xén					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt xén các mặt	lần/năm	12	8	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	2	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	2	1	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	4	2	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
	Nhỏ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12	6	
	Trồng dặm (tỷ lệ theo diện tích cây cắt xén)	%/năm	20	10	5	
2.9	Cây leo					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa, cột dây	lần/năm	12	10	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	2	1	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	2	1	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	6	4	
	Nhỏ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	10	6	
	Trồng dặm (tỷ lệ theo tổng số cây)	%/năm	5	3	Khi cần	
2.10	Cây thủy sinh					
	Cắt tỉa lá úa, hoa tàn	lần/năm	104	52	12	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	6	6	2	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	6	6	2	
	Trồng dặm (tỷ lệ theo tổng số chậu cây thủy sinh)	%/năm	10	5	Không	
	Thay chậu hồng, vỡ (tỷ lệ theo tổng số chậu cây thủy sinh)	%/năm	5	3		

2. Bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
1	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh					
1.1	Thảm cỏ					
	- Quét rác					
	+ Công viên	lần/năm	365	365	365 x 30%	
		lần/năm	Công viên khu vực cầu Sài Gòn: 365 x 50%			
	- Nhật rác					
	+ Công viên	lần/năm	365			
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	365 x 50%	365 x 30%	12
			- Một số mảng xanh lớn, ít cây xanh rụng lá như: Xa lộ Hà Nội khu vực phường Thảo Điền, Xa lộ Hà Nội khu vực Hành lang tuyến ống nước, Xa lộ Hà Nội trước Khu công nghệ cao Q9, Xa lộ Hà Nội khu vực trạm thu phí cũ, nút giao thông Thủ Đức, nút giao Tân Kiên, nút giao thông Cát Lái, khu đất đầu nút giao thông Cát Lái, taluy nút giao thông Cát Lái và xa lộ Hà Nội, khu đất cuối nút giao Cát Lái gần cầu Rạch Chiếc, đường Rừng sác và Đất dự trữ giao thông dọc đường Phạm Văn Đông - Kha Vạn Cân: thực hiện nhật rác 365 lần/năm (bình			

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
			<i>quân trên 20% diện tích);</i> <i>- Đối với các mảng xanh có trồng cây xanh, vào thời điểm cây xanh rụng lá nhiều được áp dụng công tác “quét rác” với khối lượng thực hiện bình quân 50% diện tích.</i>			
1.2	Cây che phủ nền và cây trang trí (áp dụng cho các loại cây trang trí: hoa ngắn ngày, kiềng có hoa, kiềng lá, cây cắt xén)					
	- Nhặt rác					
	+ Công viên	lần/năm	104	52	12	
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	365 x 50%	365 x 30%	
1.3	Sân nền, vỉa hè, đường đi:					
	- Quét rác					
	+ Công viên	lần/năm	365	365	365	
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	52	52	
	- Nhặt rác					
	+ Công viên	lần/năm	365	365	365	
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	313 x 50%	313 x 50%	
	- Rửa vỉa hè, lối đi lát gạch	lần/năm	52	12 x 50%	12 x 50%	
	- Vệ sinh nền đá ốp lát	lần/năm	52	12	12	
	- Làm cỏ đường đan, đường gạch	lần/năm	3	2	2	
	- Làm cỏ đường đất	lần/năm		4	3	
1.4	Ghế ngồi					
	- Rửa, lau.	lần/năm	52	12	12	
1.5	Mái nhà (<i>nhà phục vụ công cộng</i>)					
	- Dọn lá cây trên mái nhà	lần/năm	24	12	12	
1.6	Nhà mát hình nấm					
	- Chà rửa	lần/năm		12		
1.7	Hồ nước					
	- Vớt lá khô trên mặt hồ và thông béc phun	lần/năm	365	365 x 70%		
	- Thay nước hồ (<i>áp dụng cho hồ xây</i>)	lần/năm	12	08 (<i>hồ Con Rùa 04 lần/năm</i>)		
	- Vận hành máy bơm	lần/năm	365	365		
1.8	Tượng, tiểu cảnh					
	- Vệ sinh tượng, bảo dưỡng tiểu cảnh	lần/năm	12	10	8	
1.9	Thùng rác					
	- Chà rửa thùng rác	lần/năm	52	12	10	
1.10	Nhà vệ sinh công cộng					
	- Chà rửa nền nhà vệ sinh	lần/năm	1095	730	730	
	- Chà rửa, lau chùi các hạng mục trong nhà vệ sinh	lần/năm	365	156	156	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
1.11	Sân chơi cát					
	- Nhật, dọn rác	lần/năm		365	365	
1.12	Công rãnh, hố ga					
	- Nạo vét bùn, khơi thông công rãnh, hố ga	lần/năm	2	2	2	
1.13	Mương, kênh, rạch					
	- Nhật, thu gom phế thải và vớt rau bèo					
1.14	Thu gom, vận chuyển rác đến vị trí xử lý	lần/năm	365	365	365	12
	- Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên, mảng xanh	lần/năm	365	365	365	12
	- Vận chuyển rác đến điểm xử lý	lần/năm	365	365	365	12
2	Vận hành, bảo dưỡng hệ thống tưới tự động, trong công viên, mảng xanh					
2.1	Kiểm tra van điện từ	lần/năm	26	26	26	
2.2	Kiểm tra, vệ sinh máy bơm	lần/năm	4	4	4	
2.3	Kiểm tra thông số, vận hành, bảo dưỡng tủ điều khiển bao gồm cả bộ phận cảm ứng mưa và cảm biến lưu lượng (nếu có)	lần/năm	26	26	26	
2.4	Kiểm tra, điều chỉnh, vệ sinh vòi và thân phun	lần/năm	190	170	160	
2.5	Kiểm tra, vệ sinh đường ống và phụ kiện	lần/năm	4	4	4	
2.6	Vệ sinh bể chứa nước	lần/năm	2	2	2	
2.7	Đo, kiểm tra áp lực của mỗi kênh tưới	lần/năm	12	12	12	
3	Bảo dưỡng thiết bị thể dục thể thao và trò chơi thiếu nhi trong công viên, mảng xanh					
3.1	Thiết bị không chuyển động					
	- Vệ sinh, chà rửa thiết bị	lần/năm	52	24	24	
	- Kiểm tra, bảo dưỡng (bao gồm xiết bulong)	lần/năm	52	52	52	
3.2	Thiết bị chuyển động					
	- Vệ sinh, chà rửa thiết bị	lần/năm	52	24	24	
	- Kiểm tra, bảo dưỡng (bao gồm xiết bulong, tra dầu mỡ)	lần/năm	52	52	52	
3.3	Bảo dưỡng sàn cao su					
	- Kiểm tra, vệ sinh, chà rửa sàn cao su	lần/năm	52	24	24	
	- Hút bụi sàn cao su trong nhà	lần/năm	52	52	52	
3.4	Bảo dưỡng bể chứa nước và vận hành máy bơm					

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
	- Cọ rửa, xúc xả bể chứa	lần/năm	52			
	- Vận hành máy bơm nước vào bể chứa	lần/năm	365			

Ghi chú: Tại cột định ngạch “Số lần thực hiện x tỷ lệ %” là: mỗi lần tác động thực hiện bình quân một phần diện tích trên tổng diện tích thảm cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí hoặc vỉ hè, đường đi. Ví dụ “365 x 50%” là thực hiện 365 lần/năm (hàng ngày) và mỗi lần bình quân 50% diện tích so với diện tích quản lý.

2. Chăm sóc cây xanh bóng mát:

2.1. Phân nhóm và phân loại cây xanh bóng mát:

2.1.1. Phân nhóm:

Dựa vào đặc điểm sinh trưởng, các loài cây trồng đô thị sẽ được phân theo 02 nhóm chính sau:

a) Nhóm 1: Nhóm các loài cây có đặc điểm sinh trưởng nhanh:

- Các loài cây điển hình: Bò cạp nước, Giáng hương lá lớn, Lim sét, Phượng vĩ, Me tây, Sọ khí, Bằng lăng.

b) Nhóm 2: Nhóm các loài cây có đặc điểm sinh trưởng trung bình và chậm:

- Các loài cây điển hình: Giáng hương lá nhỏ, Lát hoa, Me chua, Long não, Sấu, Kèn hồng, Muồng hoa đào, Mát hai cánh, Cóp hoa trắng, Cẩm lai, Cẩm xe, Gõ mật, Gõ đỏ, Lộc vừng, Vàng anh, Nhạc ngựa, Viêt, Giá ty, Lim xanh, Mắc nưa, Vấp.

- Ngoài ra, trên cơ sở phân nhóm chính loài cây nêu trên, theo đặc thù chủng loại và để phù hợp với hình thức tác động, chăm sóc cụ thể, một số loài sẽ được phân theo nhóm:

+ Nhóm các loài cây thuộc họ Sao Dầu: Các loài cây điển hình: Sao, Dầu, Cẩm liên, Sến cát, Vên vên...

+ Nhóm các loài cây tiểu mộc: Các loài cây điển hình: Móng bò, Muồng hoa vàng, Liễu xanh, Chuông vàng, Chiết sen, Tràm bông đỏ.

Giao Sở Giao thông vận tải ban hành cụ thể danh mục loài cây theo phân nhóm để phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên.

2.1.2. Phân loại:

- Cây mới trồng: cây trong giai đoạn sau khi trồng 90 ngày đến khi được 02 năm.

- Cây loại 1: cây có đường kính $D_{1,3}$ đến 20cm và chiều cao vút ngọn $H_{vn} > 3,0m$.

- Cây loại 2: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 20cm đến 50cm và chiều cao vút ngọn $H_{vn} > 6,0m$, trong đó:

+ Cây loại 2A: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 20cm đến <35cm.

+ Cây loại 2B: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 35cm đến 50cm.

- Cây loại 3: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 50cm trở lên và chiều cao vút ngọn $H_{vn} > 12m$, trong đó:

+ Cây loại 3A: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 50cm đến <80cm.

+ Cây loại 3B: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 80cm đến <120cm.

+ Cây loại 3C: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 120cm trở lên.

($D_{1.3}$ là đường kính được đo tại chiều cao tiêu chuẩn 1,3m)

2.2. Hình thức cắt tỉa

2.2.1. Cắt, tỉa định hình tán cây

Thực hiện cho cây có tán tạm thời, kích thước còn nhỏ (Cây chưa trưởng thành): Là cây có các cành, nhánh sẽ mất đi dần dần do tỉa thưa tự nhiên hoặc do cắt, tỉa cành.

- Bảo vệ, duy trì và phát triển ngọn cây:

+ Loại bỏ ngọn chẻ đôi (nếu có).

+ Tỉa quang ngọn cây: Loại bỏ một số nhánh nách và điều tiết sự phát triển của các nhánh được giữ lại.

+ Thay thế ngọn cây: Tạo điều kiện cho một nhánh khỏe mọc thấp hơn được phát triển để thay thế ngọn cây bị hư hại (cụt, cong, khiếm khuyết) bằng cách buộc nhánh khỏe vào phần chừa của ngọn cũ, để giúp trục mới này dựng đứng lên.

- Loại bỏ cành, nhánh tạm nhằm tạo khoảng thông thoáng: Khoảng thông thoáng thay đổi tùy theo tình trạng và yêu cầu đối với mỗi cây, mỗi loài cây.

- Điều tiết sự phát triển (chiều cao cây, đường kính tán của cây) thông qua công tác nâng dần vòm tán: Nâng cao vòm tán chỉ thực hiện dần dần (không thực hiện đột ngột) và phải phù hợp với tỷ lệ chiều cao của cây.

- Đánh giá, lựa chọn cành, nhánh được định hình là cành, nhánh chính để hình thành tán cây ổn định về sau.

- Sửa dáng cho cây để thay đổi hoặc cải thiện hình dáng của cây (trong một số trường hợp cần thiết).

- Áp dụng thực hiện: Đối với cây mới trồng và cây loại 1 thuộc đường phố cấp 1, 2, 3 và trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt.

2.2.2. Cắt, tỉa bảo dưỡng

Thực hiện cho cả cây có tán tạm thời và cây có tán ổn định (là cây có các cành chính đa niên _ còn được gọi là khung sườn).

- Tỉa thưa vòm tán: Loại bỏ cánh, nhánh bên trong tán để làm thưa tán nhằm tạo khoảng trống cho gió xuyên qua, tập trung nuôi dưỡng cành chính tạo khung của tán cây (thực hiện đối với cây thuộc phân loại 2 và loại 3).

- Xử lý cành, nhánh xụ: Cắt, mé các nhánh thưa, nhánh vươn dài để làm thông thoáng, gọn tán (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại mới trồng, loại 1, loại 2 và loại 3).

- Xử lý cành, nhánh khiếm khuyết, hư hại và sâu bệnh: Loại bỏ những cành, nhánh có biểu hiện này để đảm bảo sinh trưởng, an toàn cho cây (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại mới trồng, loại 1, loại 2 và loại 3).

- Xử lý nhánh khô: Loại bỏ cành, nhánh bị khô; cành, nhánh có dấu hiệu, diễn biến đang khô dần (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại 1, loại 2 và loại 3).

- Gỡ ký sinh, phụ sinh: Gỡ bỏ loại cây sống ký sinh, phụ sinh gây hại trên cây chủ. (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại 2 và loại 3).

- Tẩy chồi thân cây: Rong, loại bỏ chồi con phát triển trên thân cây (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại mới trồng, loại 1, loại 2 và loại 3).

- Áp dụng thực hiện: Đối với cây mới trồng, cây loại 1, cây loại 2 và cây loại 3. Tùy theo phân loại mà áp dụng thành phần công việc phù hợp.

2.2.3. Cắt, tỉa tạo hình tán cây

Cắt, tỉa tạo hình dáng cho tán cây theo định hình mong muốn (tán hình cầu, tán hình trứng, tán hình tháp...) đối với những chủng loài cây phù hợp về hình thái tán lá.

Áp dụng thực hiện: Đối với một số chủng loại như: Lim sét, Me chua, Mắc nưa, Lộc vừng, Me tây.

2.2.4. Hạ thấp chiều cao cây

Cắt, tỉa làm thấp đỉnh ngọn cây do tình trạng tán phát triển lớn làm mất cân đối (nặng tán, nhiều cành vươn cao) hoặc cây có tán đang gây mất an toàn, ảnh hưởng đến các công trình trên không (điện lực). Việc hạ thấp tán cây sẽ làm hạ trọng tâm tạo độ vững chắc cho cây, nhất là trong mùa mưa bão.

- Loại bỏ hoặc cắt, tỉa cành phát triển vươn cao.

- Thu gọn vòm tán.

- Tỉa thưa vòm tán.

- Áp dụng thực hiện: đối với cây phân loại 2 và loại 3 (trừ một số chủng loại như Dầu, Phượng vĩ, ...).

2.2.5. Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế còn có hình thức cắt, tỉa xử lý:

Hình thức cắt, tỉa này nhằm giải quyết sự ảnh hưởng, tác động của tán cây đến sinh hoạt, đến các công trình lân cận và xung quanh hay để khắc phục ngay tình trạng mất an toàn của cây:

- Tầm quan sát của người tham gia giao thông trên đường, tầm quan sát đèn tín hiệu, biển báo.

- Ảnh hưởng của tán cây đến các công trình: điện lực, chiếu sáng, nhà dân, công sở,

- Nhánh gãy còn dính trên thân, cành.

- Áp dụng thực hiện theo tình hình thực tế cho các nhóm cây theo các cấp phân loại, nhưng cần tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật chung của công tác cắt, tỉa.

2.3. Mức độ chăm sóc:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)				
			Khu vực đường phố cấp 1	Khu vực đường phố cấp 2	Khu vực đường phố cấp 3	Trong công viên, mảng xanh có người vào sinh hoạt	Trong các mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ
1	Cây xanh bóng mát mới trồng						
1.1	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	3 x 100%	3 x 100%	2 x 100%	2 x 100%	2 x 100%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	2 x 100%	2 x 100%	2 x 100%	2 x 100%	
	Chống sửa cây nghiêng	lần/năm	4 x 20%	2 x 20%	2 x 10%	2 x 10%	2 x 10%
1.2	Cây thuộc nhóm sinh trưởng trung bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 80%	2 x 80%	1 x 80%	2 x 80%	2 x 60%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	
	Chống sửa cây nghiêng	lần/năm	3 x 20%	2 x 20%	2 x 10%	2 x 10%	1 x 10%
1.3	Áp dụng cho cả hai nhóm: sinh trưởng nhanh, sinh trưởng trung bình và chậm						
	Tưới nước	lần/năm	140	120	120	120	60
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	2	1	1	1	
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
2	Cây xanh bóng mát loại 1						
2.1	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	3 x 70%	3 x 60%	2 x 60%	2 x 50%	2 x 40%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	
2.2	Cây thuộc nhóm sinh trưởng trung bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 70%	2 x 60%	2 x 50%	2 x 40%	2 x 30%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)				
			Khu vực đường phố cấp 1	Khu vực đường phố cấp 2	Khu vực đường phố cấp 3	Trong công viên, mảng xanh có người vào sinh hoạt	Trong các mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ
2.3	Áp dụng cho cả hai nhóm sinh trưởng nhanh, sinh trưởng trung bình và chậm						
	Chống sừa cây nghiêng	lần/năm	2 x 5%	1 x 5%	1 x 5%	1 x 5%	1 x 5%
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
3	Cây xanh bóng mát loại 2						
3.1	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	3 x 60%	2 x 60%	2 x 50%	2 x 60%	2 x 30%
3.2	Cây thuộc nhóm sinh trưởng bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 60%	2 x 50%	2 x 40%	2 x 50%	1 x 40%
3.3	Áp dụng cho cả hai nhóm sinh trưởng nhanh, sinh trưởng trung bình và chậm						
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	2	2	2	2	
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
3.4	Áp dụng cho nhóm cây họ Sao, Dầu						
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	3	3	3	3	2
4	Cây xanh bóng mát loại 3						
4.1	Áp dụng cho cả 2 nhóm: trưởng nhanh, sinh trưởng bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 55%	2 x 50%	2 x 40%	2 x 50%	2 x 30%
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	2	2	2	2	1
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
4.2	Áp dụng cho nhóm cây họ Sao, Dầu						
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	3	3	3	3	2
5	Cây xanh bóng mát tạo hình: Thực hiện công tác cắt tỉa để duy trì hình dạng tán cây được tạo						
	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh	lần/năm	3 x 100%	3 x 100%		3 x 100%	
	Cây thuộc nhóm sinh trưởng bình và chậm	lần/năm	2 x 100%	2 x 100%		2 x 100%	

Ghi chú:

- Tưới nước, bón phân hữu cơ và vệ sinh quanh gốc cây, áp dụng với cây không có màng xanh bên dưới.
- Trường hợp thực hiện cắt, tỉa tạo hình thì sẽ không thực hiện cắt, tỉa bảo dưỡng.
- Tại cột định ngạch "số lần thực hiện x tỷ lệ %" là: mỗi lần tác động thực hiện một số lượng cây trên tổng số cây quản lý, ví dụ "2 x 55%" là thực hiện 02 lần/năm và mỗi lần tác động đối với 55% số cây quản lý.

3. Chăm sóc cây có kích thước nhỏ (cao<3,0m, đường kính gốc<6,0cm)

TT	Hạng mục	ĐVT	Định ngạch	Ghi chú
1	Tưới nước	lần/năm	60	Áp dụng cho cây không có màng xanh dưới gốc
2	Xới đất, bón phân	lần/năm	1	
3	Cắt tỉa, tẩy chồi, chống sừa cây nghiêng	lần/năm	2 x 50%	
4	Phòng trừ sâu, bệnh	lần/năm	4	
5	Phát thực bì	lần/năm	4	

4. Đánh số quản lý cây bóng mát

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Đánh số quản lý cây xanh	lần/2năm	01

5. Hạ thấp chiều cao; đốn hạ, di dời; giải tỏa cây và cành, nhánh cây

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch	Ghi chú
1	Hạ thấp chiều cao cây	%	2	Áp dụng cho cây loại 2 và loại 3
2	Đốn hạ, di dời cây	%	5	
3	Giải tỏa nhánh cây	%	2	
4	Giải tỏa cây ngã, đổ	%	2	

6. Khảo sát đánh giá tình trạng cây

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch	Ghi chú
1	Khảo sát đột xuất, đánh giá tình trạng cây loại 2, cây loại 3	%	2	Đề xuất từ công tác tuần tra hoặc theo yêu cầu của đơn vị quản lý
2	Khảo sát định kỳ, đánh giá tình trạng cây loại 3	lần/năm	1	Số lần/năm căn cứ vào kết quả khảo sát, đánh giá của đợt trước đó.
		lần/năm	2	





PHỤ LỤC 8
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Quản lý thường xuyên trên mặt cống	Hàng ngày
2	Kiểm tra phát hiện những hư hỏng trong lòng cống bằng thủ công, bằng thiết bị chuyên dụng	Xác định theo yêu cầu thực tế
3	Quản lý mương sông, kênh rạch.	Hàng ngày
5	Trực mưa	7 tháng (mùa mưa)/ năm/ trên các điểm ngập (từ tháng 5 đến tháng 11)
6	Kiểm soát tình trạng ngập	Xác định theo yêu cầu thực tế
7	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm hệ thống cống thoát nước bằng mẫu bùn	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
8	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm hệ thống kênh rạch thoát nước bằng mẫu bùn	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
9	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm cống thoát nước bằng mẫu nước	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
10	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm kênh rạch thoát nước bằng mẫu nước	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
11	Cập nhật hồ sơ, số liệu trên máy vi tính	Hàng ngày

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
I	Vận hành, bảo dưỡng mạng lưới đường cống thoát nước mưa, thoát nước thải, cống bao, kênh mương, hồ điều hòa		
1	Nạo vét máng của hầm ga thu nước	Lần/cái	12 lần/năm (1 tháng 1 lần)
2	Nạo vét hầm ga	Lần/cái	4 lần/năm (3 tháng 1 lần)
3	Nạo vét lòng cống và hầm ga, máng	md	1 lần/năm (hoặc theo yêu cầu thực tế)
4	Nạo vét kênh mương	md	Xác định theo yêu cầu thực tế
5	Sửa chữa tường hầm ga	cái	1%-10% tổng hầm/ phụ thuộc tuyến mới hay cũ
6	Sửa chữa miệng thu nước hầm ga	cái	1%-10% tổng máng phụ thuộc tuyến mới hay cũ
7	Nâng khuôn hầm ga	cái	≤ 5% tổng hầm phụ thuộc tuyến mới hay cũ

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
8	Thay khuôn	cái	1%-10% tổng hàm phụ thuộc tuyến mới hay cũ
9	Thay nắp hầm ga	cái	1%-10% tổng nắp phụ thuộc tuyến mới hay cũ
10	Thay máng, lưới	cái	1%-10% tổng máng phụ thuộc tuyến mới hay cũ
11	Lắp đặt lưới chắn rác	cái	1%- 10% tổng miệng thu phụ thuộc tuyến mới hay cũ
12	Sửa chữa cống bị sập	md	1m-3 md/1 km phụ thuộc tuyến mới hay cũ
13	Lắp đặt miệng thu nước	cái	1%-10% tổng miệng thu thuộc tuyến mới hay cũ
15	Vét rãnh hở	Lần/năm	2 lần/năm (hoặc theo yêu cầu thực tế)
16	Vét rãnh kín	Lần/năm	1 lần/năm (hoặc theo yêu cầu thực tế)
17	Sửa chữa rãnh xây gạch	% tổng diện tích rãnh	1% hoặc xác định theo yêu cầu thực tế
18	Sửa chữa rãnh xây đá	% tổng diện tích rãnh	1% hoặc xác định theo yêu cầu thực tế
19	Bổ sung khuôn, nắp, máng, lưới, lưới chắn rác	cái	1%-10% tổng số lượng/ phụ thuộc tuyến mới hay cũ
20	Sửa chữa nứt tường đầu, tường cánh cống, sạt lở tường cánh;	cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
21	Vận hành trạm bơm chống ngập	Giờ bơm	Xác định theo yêu cầu thực tế
22	Vận hành, quản lý van ngăn triều	Lần/cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
II	Vận hành, bảo dưỡng cống kiểm soát triều		
1	Thau rửa, vớt rác kênh rạch (hồ điều tiết)	Lần/ngày	2 lần/ngày (Xác định theo thực tế bảng triều, triều cường)
2	Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, động cơ, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor	Lần/tuần	48 lần/năm
3	Thay dầu định kỳ cho hệ thống thủy lực.	Lần/năm	1 lần/năm
III	Vận hành, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước		
1	Vớt rác tại hầm bơm	cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
2	Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, khung chắn rác, bơm, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor	Lần/tuần	48 lần/năm
3	Bảo dưỡng, sửa chữa máy bơm và thiết bị theo định kỳ (Sửa chữa nhỏ)	cái	1 lần/năm

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
4	Sửa chữa, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước (Sửa chữa lớn)	cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
IV	Vận hành, bảo dưỡng trạm, nhà máy xử lý nước thải		
1	Lập kế hoạch công tác vận hành, bảo dưỡng nhà máy	Lần/tháng	1
2	Triển khai công tác vận hành, bảo dưỡng	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
3	Báo cáo định kỳ tình hình công tác vận hành, bảo dưỡng đến chủ sở hữu	Lần/tháng	1
4	Kiểm soát công nghệ xử lý nước thải, bùn thải, khí thải	Lần/ngày	2
5	Kiểm soát, đánh giá hiệu quả xử lý	Lần/ngày	1
6	Giám sát môi trường định kỳ	Lần/năm	4
7	Thu gom chất thải rắn thông thường	-	Thường xuyên
8	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	Lần/năm	1 đến 2
10	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải	Lần/năm	1 đến 12
11	Sửa chữa máy móc, hạ tầng, thiết bị công nghệ tại trạm, nhà máy xử lý nước thải	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
12	Kiểm định máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải	Lần/năm	1
13	Xử lý các sự cố bất thường, các hư hỏng đột xuất phát sinh	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
14	Bảo trì các bể xử lý	Lần/năm	1
15	Nạo vét bùn lắng tại các bể, hồ xử lý, khoang bơm nhà máy	Lần/năm	1 đến 4
16	Trung tu, đại tu các máy móc, thiết bị chính	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
17	Kiểm tra, cập nhật tình trạng máy móc thiết bị đến chủ sở hữu	Lần/năm	1
18	Quản lý vật tư, vật tư dự phòng, hoá chất, công cụ, dụng cụ phục vụ công tác vận hành bảo dưỡng	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
19	Về chăm sóc cây xanh, mảng xanh trong khuôn viên trạm và nhà máy xử lý	-	Xác định tương tự theo Phụ lục 7





PHỤ LỤC 9
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Cơ quan quản lý ĐTNĐ theo phân cấp tự tổ chức kiểm tra tuyến thường xuyên toàn bộ tuyến luồng	lần/năm	52	52	52
2	Đo sơ khảo bãi cạn	lần/năm	14	8	4
3	Đo mực nước	lần/ngày	3	3	3
4	Đo kiểm tra hố xói tại các vị trí có nguy cơ xuất hiện cao	lần/năm	02	02	02
5	Đếm phương tiện vận tải lưu thông trên tuyến	giờ/ngày	24	24	24
6	Kiểm tra đèn hiệu ban đêm	lần/năm	12	12	12
7	Quan hệ địa phương	lần/năm/trạm	12	12	12

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
I	Bảo trì báo hiệu				
1	Thả phao	lần/năm/quả	2	2	2
2	Điều chỉnh phao	lần/năm/quả	9	9	9
3	Chống bồi rùa	lần/năm/quả	6	6	6
4	Trục phao	lần/năm/quả	2	2	2
5	Bảo dưỡng phao	lần/năm/quả	1	1	1
6	Sơn màu giữa kỳ phao	lần/năm/quả	1	1	1
7	Bảo dưỡng xích nin	lần/năm/đườn g	1	1	1
8	Chỉnh cột báo hiệu	lần/năm/cột	2	2	2
9	Dịch chuyển cột báo hiệu	% số cột	20	10	5
10	Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật	lần/năm/cột, biển	1	1	1
11	Sơn màu giữa kỳ cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật	lần/năm/cột, biển	1	1	1

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
12	Sơn màu cột bê tông	lần/năm/cột	2	2	2
13	Bảo dưỡng biển báo hiệu cầu	lần/năm/biển	1	1	1
14	Sơn màu giữa kỳ biển báo hiệu cầu	lần/năm/biển	1	1	1
15	Bảo dưỡng lồng đèn, hòm ắc quy	lần/năm/đèn	1	1	1
16	Sơn màu giữa kỳ lồng đèn, hòm ắc quy, rào chống trèo	lần/năm/đèn	1	1	1
17	Phát quang quanh báo hiệu	lần/năm/cột	2	2	2
18	Sửa chữa, khắc phục thay thế hư hỏng của báo hiệu	lần/năm/báo hiệu	Xác định và thực hiện theo thực tế		
19	Thay đèn; thay thế đèn theo niên hạn sử dụng; sửa chữa nhỏ, thay thế các linh kiện bị hỏng của đèn		Xác định và thực hiện theo thực tế		
20	Kiểm tra vệ sinh đèn năng lượng mặt trời	lần/năm/đèn	12	12	12
II	Bảo trì thường xuyên kè bờ	Xác định và thực hiện theo thực tế			
III	Duy tu luồng sông, kênh, rạch được phân cấp quản lý	Xác định và thực hiện theo thực tế			

Số: **7094**/HD-SGTVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16** tháng 6 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-SGTVT ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải Ban hành Quy chế sử dụng, khai thác và vận hành Hệ thống quản lý dữ liệu tập trung phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ các công trình hạ tầng giao thông do Sở Giao thông vận tải quản lý.

Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1.1. Lập, chấp thuận kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình:

– Hàng quý, căn cứ vào tình trạng công trình, hợp đồng giữa đơn vị quản lý với nhà thầu thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình, dự toán kinh phí được Sở Giao thông vận tải giao, đơn vị quản lý lập kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình cho quý tiếp theo kèm Tờ trình (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này) gửi Sở Giao thông vận tải trước ngày 15 của tháng trước liền kề.

– Sở Giao thông vận tải xem xét, có văn bản chấp thuận (theo Mẫu tại Phụ lục II kèm theo Hướng dẫn này) kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của đơn vị quản lý. Các phòng quản lý chuyên ngành thuộc Sở tổ chức



kiểm tra thực tế hiện trường trước khi có văn bản chấp thuận công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình, kết quả kiểm tra được lập thành Biên bản theo Mẫu tại Phụ lục III kèm theo Hướng dẫn này.

– Một số nội dung yêu cầu:

+ Đơn vị quản lý chịu trách nhiệm về sự cần thiết, phạm vi, quy mô, khối lượng đề xuất thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình.

+ Đơn vị quản lý có trách nhiệm cập nhật đầy đủ các số liệu về kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình (trừ công trình đường thủy thực hiện theo hình thức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) vào phần mềm thuộc Hệ thống quản lý dữ liệu tập trung phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ các công trình hạ tầng giao thông do Sở Giao thông vận tải quản lý. Sở Giao thông vận tải chỉ xem xét, giải quyết khi các số liệu đã được cập nhật đầy đủ và không có sự sai sót, chênh lệch về số liệu giữa bản giấy do đơn vị quản lý trình với số liệu được cập nhật trên phần mềm.

1.2. Điều chỉnh kế hoạch

Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình đã được Sở Giao thông vận tải chấp thuận, đơn vị quản lý tổng hợp, trình Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định; đồng thời, phải cập nhật đầy đủ số liệu điều chỉnh, bổ sung vào phần mềm quản lý.

2. Thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

2.1. Căn cứ kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình đã được Sở Giao thông vận tải chấp thuận, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành, đơn vị quản lý chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Các phòng quản lý chuyên ngành thuộc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình của đơn vị quản lý.

3. Quản lý chất lượng bảo dưỡng thường xuyên công trình

3.1. Yêu cầu chung

– Đơn vị quản lý, nhà thầu và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm về chất lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình theo đúng quy định của pháp luật.

– Thời hạn bảo hành công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

– Khi thương thảo, ký hợp đồng với nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình, đơn vị quản lý cần yêu cầu nhà thầu phải có các

vật tư, thiết bị dự phòng để có thể thực hiện ngay công tác thay thế, khắc phục sửa chữa các sự cố đột xuất của công trình.

– Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước; đồng thời, nhằm hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, yêu cầu đơn vị quản lý khi đề xuất chủng loại vật tư, hàng hóa hoặc lấy báo giá vật tư, hàng hóa thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình cần ưu tiên sử dụng các loại vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước.

3.2. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường bộ

– Đối với hạng mục sơn đường: Yêu cầu đơn vị quản lý tăng cường công tác quản lý chất lượng công tác sơn đường (từ khâu chọn vật liệu sơn đến quy trình thi công, nghiệm thu, lựa chọn thời điểm thi công) nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng về độ bền, độ phản quang theo đúng quy định. Trong đó cần lưu ý một số nội dung như sau:

- + Không thực hiện công tác sơn đường vào các giờ cao điểm;
- + Sau khi sơn xong, ít nhất 15 phút sau mới được cho phép các phương tiện lưu thông đè lên vạch sơn;
- + Thời hạn bảo hành đối với hạng mục sơn đường không ít hơn 06 tháng tùy thuộc vào đặc điểm, lưu lượng giao thông trên từng tuyến đường cụ thể. Đơn vị quản lý chịu trách nhiệm xác định thời gian bảo hành đối với công tác sơn đường cho phù hợp.

– Đối với công tác dặm vá mặt đường có diện tích từ 200m² trở lên: Yêu cầu đơn vị quản lý phải lập bản vẽ thiết kế thể hiện đầy đủ các yếu tố hình học như: mặt bằng, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, kết cấu sửa chữa, trình Sở Giao thông vận tải (cùng lúc với việc trình kế hoạch, khối lượng thực hiện hàng quý) xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

– Đối với các sự cố làm hư hỏng kết cấu, hạng mục công trình hoặc các hư hỏng phát sinh gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông (biển báo bị cong, vênh; cọc tiêu, dải phân cách, tường hộ lan bị ngã, đổ; mặt đường, mặt cầu bị trôi, sụp, lún cục bộ, phát sinh ổ gà; vạch sơn kẻ đường bị mờ) thì đơn vị quản lý phải có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện ngay để đảm bảo an toàn giao thông. Khối lượng thực hiện sẽ được ghi nhận bằng biên bản (giữa đơn vị quản lý với nhà thầu) để bổ sung vào kế hoạch thực hiện của quý tiếp theo liền kề.

– Đối với các công trình đang khai thác nhưng đã được bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo hoặc công trình xây dựng mới đã hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, các đơn vị quản lý vẫn phải tổ



chức thực hiện công tác Tuần tra cầu (đối với công trình cầu) và Tuần tra đường bộ (đối với công trình đường, đường vào cầu). Nếu có phát sinh các hạng mục công việc khác, đơn vị quản lý phải có báo cáo, đề xuất Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

3.3. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đèn tín hiệu giao thông, camera (quan sát giao thông, đo đếm lưu lượng, đo tốc độ), bảng thông tin giao thông điện tử:

– Đối với các trường hợp sau đây, yêu cầu đơn vị quản lý phải lập bản vẽ thiết kế (thể hiện đầy đủ các yếu tố như: mặt bằng, hiện trạng, các thông số kỹ thuật, thời hạn sử dụng,..), trình Sở Giao thông vận tải (cùng lúc với việc trình kế hoạch, khối lượng thực hiện hàng quý) xem xét, quyết định trước khi triển khai thực hiện:

+ Thay thế, lắp đặt mới tủ điều khiển.

+ Di dời, cải tạo, thay thế, lắp đặt mới đèn tín hiệu giao thông, camera, bảng thông tin giao thông điện tử.

+ Tích hợp đèn tín hiệu giao thông, camera, bảng thông tin giao thông điện tử trên giá long môn, trụ đèn chiếu sáng, trụ biển báo tay vịn.

+ Đối với các công trình đang khai thác nhưng đã bàn giao cho các đơn vị khác để thực hiện dự án thì không thực hiện công tác quản lý, vận hành. Việc thực hiện công tác quản lý, vận hành chỉ được thực hiện sau khi đơn vị quản lý đã thực hiện xong các thủ tục tiếp nhận công trình từ các đơn vị khác theo đúng quy định. Riêng đối với hệ thống đèn tín hiệu giao thông, nếu cần thiết phải duy trì hoạt động để phục vụ công tác điều tiết, đảm bảo an toàn giao thông thì được phép thực hiện công tác quản lý, vận hành.

– Đối với các công trình đang khai thác nhưng đã bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo hoặc công trình xây dựng mới đã hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, đơn vị quản lý vẫn phải tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành. Nếu có phát sinh các hạng mục công việc khác, đơn vị quản lý phải có báo cáo, đề xuất Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

– Yêu cầu về thời gian bảo hành các loại vật tư, thiết bị:

+ Thời gian bảo hành đối với đèn LED dùng cho bảng thông tin giao thông điện tử tối thiểu là 05 năm.

+ Thời gian bảo hành đối với đèn LED dùng cho đèn tín hiệu giao thông tối thiểu là 03 năm.

+ Thời gian bảo hành camera tối thiểu là 02 năm.

+ Thời gian bảo hành đối với các loại vật tư, thiết bị khác dùng cho đèn tín hiệu giao thông, camera, bảng thông tin giao thông điện tử tối thiểu là 02 năm.

- Về việc đứng tên điện kế và thuê bao đường truyền internet (nếu có):

+ Đối với các công trình do đơn vị quản lý làm chủ đầu tư: Đơn vị quản lý chịu trách nhiệm đứng tên điện kế, đứng tên thuê bao đường truyền internet (nếu có), sử dụng nguồn vốn của công trình để thanh toán tiền điện, tiền thuê bao đường truyền internet (nếu có) cho đến khi được Sở Giao thông vận tải chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

+ Đối với các công trình không do đơn vị quản lý làm chủ đầu tư: Chủ đầu tư công trình có trách nhiệm đứng tên điện kế, đứng tên thuê bao đường truyền internet (nếu có). Đơn vị quản lý chỉ đứng tên điện kế, đứng tên thuê bao đường truyền internet (nếu có) sau khi được Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và phân cấp quản lý theo quy định.

3.4. Yêu cầu đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy

- Đơn vị quản lý tổ chức công tác quản lý chất lượng theo quy định hiện hành. Thời gian bảo hành đối với hệ thống đèn tín hiệu giao thông và các thiết bị thay thế tối thiểu là 02 năm; đơn vị quản lý có trách nhiệm phân tích, đánh giá khi lựa chọn đưa vào sử dụng các loại vật tư, thiết bị nhằm đảm bảo phát huy hiệu quả và tiết kiệm kinh phí.

- Đối với các công trình đang khai thác nhưng đã được bàn giao luồng tuyến để thực hiện các dự án sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo hoặc đang trong thời gian chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý để đưa công trình vào khai thác sử dụng, hoặc đang trong thời gian bảo hành hoặc các công trình xây dựng mới đã đưa vào khai thác sử dụng nhưng chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý về nghiệm thu, bàn giao: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, đơn vị quản lý vẫn thực hiện hạng mục công tác kiểm tra tuyến đường thủy. Nếu có phát sinh các hạng mục công việc khác, đơn vị quản lý phải có báo cáo, đề xuất Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

- Đối với các sự cố làm hư hỏng kết cấu, hạng mục công trình hoặc các hư hỏng phát sinh gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông (biển báo hiệu bị cong, vênh; hư hỏng các chi tiết làm ảnh hưởng đến việc tiếp tục duy trì hoạt động của báo hiệu; lan can bị ngã, đổ; phát quang cây cối xâm lấn công trình) thì đơn vị quản lý phải có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện ngay; khối lượng thực hiện sẽ được ghi nhận bằng biên bản (giữa đơn vị quản lý với nhà thầu) để bổ sung vào kế hoạch thực hiện của quý tiếp theo liền kề.

4. Nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình trên cơ sở chất lượng thực hiện

4.1. Việc nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình trên cơ sở chất lượng thực hiện theo quy định tại khoản 3,



khoản 4 Điều 22 Quyết định số 3206/QĐ-UBND thực hiện theo từng tháng, chậm nhất trước ngày 05 của tháng tiếp theo liền kề.

4.2. Tiêu chí nghiệm thu: Thực hiện theo Phụ lục số IV, V, VI, VII, VIII kèm theo Hướng dẫn này.

4.3. Số tiền thanh toán theo 01 kỳ nghiệm thu (theo từng tháng):

– Đối với công tác quản lý, vận hành:

+ Trường hợp nghiệm thu “Đạt”: Thanh toán 100% khối lượng thực hiện của hạng mục đó.

+ Trường hợp nghiệm thu “Không đạt”: Cắt toàn bộ chi phí công tác quản lý, vận hành của hạng mục công trình đó trong tháng (không thanh toán).

– Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên:

+ Trường hợp nghiệm thu “Đạt”: Thanh toán 100% khối lượng thực hiện của hạng mục đó.

+ Trường hợp nghiệm thu “Không đạt”: Cắt toàn bộ chi phí của hạng mục công trình đó (không thanh toán); đồng thời, yêu cầu nhà thầu phải triển khai khắc phục ngay hạng mục công trình nghiệm thu không đạt trong vòng 48 giờ và không được tính chi phí triển khai khắc phục.

5. Tổ chức thực hiện

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 1338/HD-SGTVT ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Sở Giao thông vận tải về việc thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cá nhân, tổ chức báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận: (01)

- Như trên;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở GTVT (GD, các PGD);
- Trung tâm QL ĐHGT ĐT;
- Trung tâm QL HTGT ĐB;
- Trung tâm QL Đường thủy;
- Thanh tra Sở GTVT;
- Phòng: KTHT, GTT, TC, VPS, PC;
- Lưu VT, KT, BĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Khánh Hưng



Phụ lục I
MẪU TỜ TRÌNH

(Kèm theo Hướng dẫn số 7094/HD-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở
Giao thông vận tải)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

**Kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình
cầu/đường/đền tín hiệu giao thông/đường thủy**
(Quý ... năm ...)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

I. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Hướng dẫn số .../HD-SGTVT ngày ... tháng ... năm 2020 của Sở Giao thông vận tải về việc thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số/QĐ-SGTVT ngày tháng ... năm ... của Sở Giao thông vận tải về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm ...;

Các căn cứ khác có liên quan (nếu có).

II. Nội dung kế hoạch

1. Tên công trình/gói thầu (nếu có):
2. Địa điểm:
3. Đơn vị quản lý:
4. Đơn vị lập kế hoạch:
5. Thời gian thực hiện kế hoạch: Quý ... năm ...

6. Kế hoạch thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu/đường/tín hiệu giao thông/đường thủy (Quý ... năm ...): Theo bảng tổng hợp kèm theo Tờ trình này.

7. ...(*đơn vị quản lý*)... xin cam kết:

- Đã cập nhật đầy đủ, chính xác các số liệu vào phần mềm quản lý;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sự cần thiết, phạm vi, quy mô, khối lượng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình.

Kính trình Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận/.

Nơi nhận:

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên đóng dấu)



BẢNG TỔNG HỢP
Kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình
cầu/đường/đền tín hiệu giao thông/đường thủy
(Quý ... năm ...)

(Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-... ngày ... tháng ... năm 2020 của ...)

Bảng 1: Các hạng mục công việc có trong bảng giá ký hợp đồng:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng				Còn lại(+)/ Phát sinh (-)
			Năm ...	Đã thực hiện	Kế hoạch quý ... năm ...	Cộng dồn	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)=(3)-(6)
1							
2							
...							

Bảng 2: Các hạng mục công việc phát sinh ngoài bảng giá ký hợp đồng

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Đã thực hiện	Kế hoạch quý ... năm ...	Cộng dồn
	(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)
1					
2					
...					

Bảng 3: Chi tiết các hạng mục công việc

TT	Hạng mục công việc	Khối lượng	ĐVT	Ghi chú
I	Địa điểm: quận/huyện			
1	Tên đường/tên cầu/chốt đèn THGT			
1.1				
...				
II	Địa điểm: quận/huyện			
1	Tên đường/tên cầu/chốt đèn THGT			
1.1				
...				



Phụ lục II
MẪU CÔNG VĂN CHẤP THUẬN KẾ HOẠCH
 (Kèm theo Hướng dẫn số 79/HĐ-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở
 Giao thông vận tải)

ỦY BAN NHÂN DÂN
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-KT
 V/v chấp thuận kế hoạch quản lý, vận hành
 và bảo dưỡng thường xuyên công trình

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: ... (đơn vị quản lý) ...

Sở Giao thông vận tải nhận được Tờ trình số .../TTr-... ngày ... tháng ... năm ... của ... về kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu/đường/đèn tín hiệu giao thông/đường thủy (Quý .. năm ...);

Sau khi xem xét, Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận kế hoạch quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình theo đề xuất của ... (đơn vị quản lý)... tại Tờ trình số .../TTr-... ngày ... tháng ... năm ... (đính kèm bảng tổng hợp) với các thông tin chính như sau:

- a) Tên công trình/gói thầu (nếu có):
- b) Địa điểm:
- c) Đơn vị quản lý:
- d) Đơn vị lập kế hoạch quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình:
- e) Thời gian thực hiện: Quý ... năm ...

2. ... (đơn vị quản lý)... chịu trách nhiệm:

– Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu/đường/tín hiệu giao thông/đường thủy (Quý ... năm ...) theo đúng quy định;

– Các hạng mục phát sinh hoặc phát sinh tăng khối lượng (nếu có) ngoài kế hoạch được Sở Giao thông vận tải chấp thuận tại Công văn này, ... (đơn vị quản lý) ... phải báo cáo Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGTVT (GD, PGD...);
- Phòng: KT, TC;
- Lưu: VT.KT.

TUQ. GIÁM ĐỐC
(TRƯỞNG PHÒNG CHUYÊN NGÀNH)

(ký tên, đóng dấu)



Phụ lục III
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo Hướng dẫn số 7094 TÀI/SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-SGTVT

BIÊN BẢN

Kiểm tra thực tế hiện trường về kế hoạch thực hiện quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu/đường/đền tín hiệu giao thông/đường thủy
(Quý ... năm ...)

1. Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...

2. Địa điểm: ...

3. Thành phần tham dự:

Đại diện phòng quản lý chuyên ngành - Sở Giao thông vận tải :

– Ông/bà: Chức vụ:

– Ông/bà: Chức vụ:

Đại diện đơn vị quản lý:

– Ông/bà: Chức vụ:

– Ông/bà: Chức vụ:

Đại diện nhà thầu (nếu có):

– Ông/bà: Chức vụ:

– Ông/bà: Chức vụ:

4. Nội dung kiểm tra

.....

5. Các nội dung lưu ý

.....

6. Kết luận

.....

Buổi kiểm tra thực tế hiện trường kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ...
năm/. 3 21

Đại diện phòng quản lý chuyên ngành - Sở Giao thông vận tải:

- Ông/bà: Ký tên:
- Ông/bà: Ký tên:

Đại diện đơn vị quản lý... (ký tên, đóng dấu):

- Ông/bà: Ký tên:
- Ông/bà: Ký tên:

Đại diện nhà thầu... (ký tên, đóng dấu):

- Ông/bà: Ký tên:
- Ông/bà: Ký tên:



Phụ lục IV
TIÊU CHÍ KIỂM TRA NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG
(Kèm theo Hướng dẫn số 7094/HĐ-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của
Sở Giao thông vận tải)

1. Tuân tra đường bộ

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<ol style="list-style-type: none">Ghi chép đầy đủ vào sổ tuần đường hàng ngày.Có báo cáo thường xuyên cho đơn vị quản lý (trước 15 giờ 00 hàng ngày).Báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý (qua điện thoại) khi phát hiện sự cố đột xuất (trong vòng 30 phút sau khi có sự cố xảy ra), đồng thời có biện pháp cảnh báo kịp thời cho người và phương tiện lưu thông khi phát hiện sự cố.Hàng tháng có báo cáo tổng hợp về tình hình công tác tuần tra kèm theo đĩa CD dữ liệu đã báo cáo hàng ngày.	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

2. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<p>Thực hiện đầy đủ các quy định khi xảy ra các hư hỏng liên quan đến công trình như:</p> <ol style="list-style-type: none">Dặm vá ổ gà trong vòng 24 giờ (kể từ lúc phát hiện hoặc từ lúc cơ quan có thẩm quyền, đơn vị quản lý có yêu cầu).Thiết lập rào chắn, biển cảnh báo tại các vị trí lún sụp mặt đường và các sự cố gây mất an toàn giao thông khác.Phối hợp xử lý các trường hợp dẫn đến ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông theo chức năng, nhiệm vụ.Trực theo dõi, phối hợp hướng dẫn, điều tiết giao thông.	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

3. Vệ sinh mặt đường

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<ol style="list-style-type: none">Thực hiện đúng các nội dung yêu cầu theo tần suất thực hiện trong tháng. Thực hiện ngay để đảm bảo an toàn giao thông đối với các trường hợp đột xuất như: có chất thải, vật liệu... rơi vãi trên đường.Công tác vệ sinh bao gồm toàn bộ diện tích mặt đường, lề đường, tiêu đảo, dải phân cách thuộc phạm vi theo phân cấp quản lý. Sau khi thực hiện, mặt đường phải đảm bảo các yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none">Mặt đường phải được vệ sinh sạch sẽ; không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt đường, lề đường, sát mép bó vỉa, dải phân cách, trước miệng cống, lưới chắn rác.Sau khi vệ sinh mặt đường, các loại đất, đá, cát, rác thải phải được tập kết, vận chuyển, đổ đúng nơi quy định trong vòng 12 giờ.Phải phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý,	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

Tiêu chí đánh giá	Nghịem thu
<p>chính quyền địa phương những vị trí bị người dân lấn chiếm để đổ đất, cát, xà bần do xe vận chuyển làm rơi vãi hoặc những nơi lề đường bị chiếm dụng để chứa vật tư (cột điện, ống nước, gạch, đá ...); đồng thời, phải tiến hành dọn dẹp nhằm trả lại mặt bằng theo hiện trạng ban đầu trong phạm vi được giao quản lý. Phạm vi dọn dẹp mặt bằng là phạm vi mặt đường, lề đường, vỉa hè (nếu có) được Sở Giao thông vận tải phân cấp cho các đơn vị quản lý. Đối với những vị trí bị người dân chiếm dụng để vật tư trong phạm vi được phân cấp quản lý hoặc những công việc không thuộc chức năng quản lý (ví dụ: thu gom, dọn dẹp và trung chuyển rác sinh hoạt) thì đơn vị quản lý có trách nhiệm yêu cầu chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan tiến hành giải quyết.</p>	



Phụ lục V

TIÊU CHÍ KIỂM TRA, NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH CẦU

(Kèm theo Hướng dẫn số 7094/HĐ-SQT/VT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Quản Thuế vận tải)

1. Tuần tra cầu

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<ol style="list-style-type: none">Ghi chép đầy đủ vào sổ tuần đường hàng ngày.Có báo cáo thường xuyên cho đơn vị quản lý (trước 15 giờ 00 hàng ngày).Báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý (qua điện thoại) khi phát hiện sự cố đột xuất (trong vòng 30 phút sau khi có sự cố xảy ra), đồng thời có biện pháp cảnh báo kịp thời cho người và phương tiện lưu thông khi phát hiện sự cố.Hàng tháng có báo cáo tổng hợp về tình hình công tác tuần tra kèm theo đĩa CD dữ liệu đã báo cáo hàng ngày.	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

2. Kiểm tra cầu

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<ol style="list-style-type: none">Ghi chép đầy đủ vào các phiếu kiểm tra tình trạng của toàn bộ kết cấu cầu, công trình phụ trợ của cầu.Báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý (qua điện thoại) khi phát hiện sự cố đột xuất, đồng thời có biện pháp cảnh báo và đề xuất phương án xử lý	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

3. Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<ol style="list-style-type: none">Cập nhật đầy đủ tình trạng kỹ thuật của công trình cầu theo quy định.Tất cả các dữ liệu được số hóa, lưu trữ và cập nhật thường xuyên, đầy đủ trên phần mềm quản lý.	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

4. Vệ sinh mặt cầu

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<ol style="list-style-type: none">Thực hiện đúng các nội dung yêu cầu theo tần suất thực hiện trong tháng. Thực hiện ngay để đảm bảo an toàn giao thông khi đột xuất có chất thải, vật liệu... rơi vãi trên cầu làm cản trở giao thông.Công tác vệ sinh bao gồm toàn bộ diện tích mặt cầu, lề bộ hành, dải phân cách thuộc phạm vi theo phân cấp quản lý. Sau khi thực hiện, mặt cầu phải đảm bảo các yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none">Mặt cầu phải được giữ vệ sinh sạch sẽ; không tồn tại đất, đá, cát, rác thải trên mặt cầu, lề bộ hành,	<ol style="list-style-type: none">Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<p>sát mép bó vỉa, dải phân cách, trước miệng lỗ thoát nước.</p> <p>– Sau khi vệ sinh mặt cầu, các loại đất, đá, cát, rác thải phải được xúc chuyển ra khỏi công trường và đổ đúng nơi quy định trong vòng 12 giờ.</p> <p>3. Phải phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý, chính quyền địa phương những vị trí bị người dân lấn chiếm để đổ đất, cát, xà bần, do xe vận chuyển làm rơi vãi, đồng thời phải dọn dẹp nhằm trả lại mặt bằng theo hiện trạng ban đầu trong phạm vi được giao quản lý. Đối với những vị trí bị người dân chiếm dụng để vật tư trong phạm vi được phân cấp quản lý hoặc những công việc không thuộc chức năng quản lý (ví dụ: thu gom, dọn dẹp và trung chuyển rác sinh hoạt) thì đơn vị quản lý có trách nhiệm yêu cầu chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan tiến hành giải quyết.</p>	

Lưu ý: Đối với phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh: Công tác tuần tra đường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông thực hiện theo Phụ lục 1.

5. Trục gác cầu, trạm bơm

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<p>1. Trục, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra tại khu vực cầu hoặc trạm bơm.</p> <p>2. Báo cáo kịp thời khi các thiết bị của máy bơm bị hư hỏng hoặc có các tác động khác bên ngoài đến công trình cầu.</p>	<p>1. Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.</p> <p>2. Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.</p>



1

Phần lục VI

TIÊU CHÍ KIỂM TRA NGHIỆM THU ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

(Kèm theo Hướng dẫn số 4094/HD-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải)

Vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<p>1. Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt) hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; báo cáo cho đơn vị quản lý để điều chỉnh thời lượng hoạt động của các pha đèn phù hợp với tình hình giao thông. Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống đèn tín hiệu giao thông.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với đèn tín hiệu giao thông chớp vàng: Thực hiện công tác quản lý vận hành 01 tuần/lần.- Công tác kiểm tra, ghi chép hoạt động tại mỗi chốt đèn tín hiệu giao thông, bao gồm: Tình trạng hoạt động của từng mặt đèn, đèn số đếm lùi, đèn cho người đi bộ, tình trạng mất nét của đèn số đếm lùi (nếu có), số bóng đèn LED tắt trên mặt đèn phải đảm bảo dưới 5% tổng số bóng đèn LED.- Không để xảy ra tình trạng cáp viễn thông, cáp quang truyền hình, tờ rơi quảng cáo... treo, dán trên hệ thống đèn tín hiệu giao thông.- Đối với các chốt đèn tín hiệu giao thông đã kết nối về Trung tâm điều khiển:<ul style="list-style-type: none">+ Duy trì hoạt động liên tục 24 giờ/7 ngày. Kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra đối với các chốt đèn tín hiệu giao thông (không hoạt động, chuyển sang chế độ chớp vàng, mất kết nối...).+ Thường xuyên theo dõi tình hình giao thông để điều chỉnh thời lượng hoạt động của các pha đèn cho phù hợp; không được để xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông mà do thời lượng các pha đèn không phù hợp. <p>2. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống đèn tín hiệu giao thông:</p> <p>Kiểm tra các thông số kỹ thuật, bao gồm: Tình trạng hoạt động của của các thiết bị tủ điều khiển, tủ lưu điện, tủ đảo nguồn; ghi chép chỉ số đồng hồ điện (01 tháng/lần).</p> <p>3. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian khắc phục sự cố tủ điều khiển phải đảm bảo không quá 01 giờ từ khi xảy ra sự cố. Nếu quá thời gian trên nhưng chưa khắc phục được sự cố thì phải có thiết bị chuyên dụng thay thế tạm thời.- Đảm bảo hoạt động, kết nối về Trung tâm điều khiển (đối với các tủ kết nối về Trung tâm điều khiển) liên tục 24 giờ/7 ngày. <p>4. Đảm bảo an toàn điện:</p> <p>Không để rò điện gây mất an toàn điện.</p> <p>5. Vệ sinh thiết bị:</p> <p>Các thiết bị bên trong tủ điều khiển phải đảm bảo sạch sẽ, không có mạng nhện, bám bụi bẩn; vệ sinh sạch sẽ tất cả hệ thống.</p>	<p>1. Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.</p> <p>2. Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.</p>

SỞ PHỤ LỤC VII
TIÊU CHÍ KIỂM TRA NGHIỆM THU BẢNG THÔNG TIN
GIAO THÔNG ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Hướng dẫn số 7094/HD-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của
Sở Giao thông vận tải)

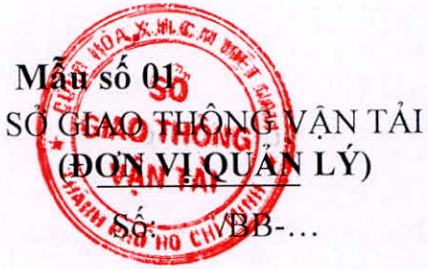
Vận hành hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<p>1. Giám sát, điều hành từ trung tâm điều khiển:</p> <p>1.1. Khởi động từ xa bằng phần mềm điều khiển.</p> <p>1.2. Kiểm tra tình trạng kết nối.</p> <p>1.3. Giám sát trạng thái kết nối của bảng thông tin giao thông điện tử với trung tâm điều khiển, giám sát trạng thái kết nối mạng. Đảm bảo an ninh theo quy định.</p> <p>1.4. Chuyển qua hiển thị các chương trình mặc định hoặc dừng hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử khi gặp sự cố mất kết nối từ trung tâm điều khiển.</p> <p>1.5. Chụp lại thông tin hiển thị của bảng thông tin giao thông điện tử.</p> <p>1.6. Thực hiện chức năng quét bảng: Kiểm tra tình trạng hoạt động của đèn LED màn hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đảm bảo số lượng điểm ảnh (pixel) trên bảng thông tin không tắt trên toàn bảng dưới 1,0% tổng số điểm ảnh của bảng và đảm bảo đúng thông tin hiển thị – Không để xảy ra tình trạng mất nét chữ dẫn đến nội dung thông tin hiển thị không rõ ràng trên màn hình. <p>2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):</p> <p>2.1. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trường hợp có lắp đặt camera: thực hiện với tần suất 01 lần/tuần. – Trường hợp không có lắp đặt camera: thực hiện với tần suất hàng ngày. – Không để xảy ra tình trạng các loại cáp khác treo trên trụ. <p>2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố (mất tín hiệu, mất nét, mất kết nối,...) kịp thời.</p> <p>2.3. Thường xuyên kiểm tra, ghi nhận và xử lý các sự cố (mất nét, chùng tin, mất kết nối,...); sửa chữa khắc phục sự cố từ điều khiển. Thời gian khắc phục các sự cố không được quá 01 giờ kể từ thời điểm phát hiện.</p> <p>2.4. Kiểm tra độ kín nước phía trước, phía sau bảng thông tin giao thông điện tử (tần suất thực hiện: 01 tuần/01 lần).</p> <p>2.5. Kiểm tra an toàn cơ học, các mối nối, bu lông lắp đặt khung cabin và trụ (tần suất thực hiện: 01 Quý/01 lần).</p> <p>2.6. Kiểm tra kết cấu trụ, khe hở giữa các cabin (tần suất thực hiện: 01 Quý/01 lần).</p> <p>2.7. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử: Không để xảy ra tình trạng rò rỉ điện của hệ thống.</p> <p>2.8. Đảm bảo thông tin giao thông thực được cung cấp từ đơn vị có liên kết để đưa lên bảng thông tin giao thông điện tử nhằm cung cấp thông tin giao thông thực cho người tham gia giao thông biết và điều chỉnh lộ trình lưu thông.</p>	<p>1. Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.</p> <p>2. Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.</p>

SỞ PHỤ LỤC VIII
TIÊU CHÍ KIỂM TRA NGHIỆM THU CAMERA QUAN SÁT
 (Kèm theo Hướng dẫn số ~~7094/HĐ-SGTVT~~ ngày 16 tháng 6 năm 2020 của
 Sở Giao thông vận tải)

Vận hành hệ thống camera quan sát giao thông

Tiêu chí đánh giá	Nghiệm thu
<p>1. Giám sát, điều khiển từ Trung tâm điều khiển Giám sát giao thông và điều khiển camera từ Trung tâm điều khiển:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giám sát tình hình giao thông bằng camera để điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông thông qua phần mềm quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế hoặc cung cấp thông tin cho các đơn vị quản lý để kịp thời điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông đối với các trường hợp đèn tín hiệu giao thông chưa kết nối về trung tâm điều khiển. – Lưu trữ dữ liệu hình ảnh của camera về các sự cố, hành vi vi phạm Luật giao thông đường bộ để trích xuất dữ liệu khi có yêu cầu. – Giám sát tình trạng hoạt động, kết nối của camera. – Chia sẻ dữ liệu hình ảnh với các đơn vị khác khi có yêu cầu. <p>2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi)</p> <p>2.1. Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của tủ điều khiển camera; Phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Công tác quản lý, vận hành hệ thống camera quan sát giao thông được thực hiện với tần suất 01 lần/01 tuần hoặc khi xảy ra các sự cố (mất kết nối, hư hỏng các thiết bị...) mà tại Trung tâm điều khiển không thể quan sát và điều chỉnh theo yêu cầu đặt ra. – Không để xảy ra tình trạng các loại cáp khác treo trụ camera quan sát giao thông (trường hợp có trụ riêng biệt). <p>2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để kịp thời xử lý các sự cố như: mất tín hiệu, không điều khiển được, mất kết nối.</p> <p>2.3. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống camera.</p> <p>2.4. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển. Thời gian khắc phục sự cố tủ điều khiển đảm bảo không quá 01 giờ kể từ khi phát hiện sự cố.</p>	<p>1. Đạt: Thực hiện đúng tất cả các tiêu chí đánh giá.</p> <p>2. Không đạt: Khi thực hiện không đúng ít nhất một trong các tiêu chí đánh giá.</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

Nghiệm thu kết quả thực hiện công tác tuần tra đường bộ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, vệ sinh mặt đường
(Tháng ... năm ...)

1. Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...
2. Địa điểm:
3. Thành phần tham dự:
Đại diện (đơn vị quản lý):
– Ông/bà: Chức vụ:
– Ông/bà: Chức vụ:
Đại diện (nhà thầu):
– Ông/bà: Chức vụ:
– Ông/bà: Chức vụ:

4. Nội dung nghiệm thu

Công tác tuần tra đường bộ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, vệ sinh mặt đường tháng ... năm ...

Kết quả nghiệm thu

Theo Bảng tổng hợp kèm theo Biên bản này.

5. Ý kiến của các bên tham gia nghiệm thu (nếu có)

.....

6. Kết luận

Đồng ý nghiệm thu công tác tuần tra đường bộ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, vệ sinh mặt đường tháng ... năm ...

Buổi nghiệm thu kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)


BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả nghiệm thu kết quả thực hiện công tác tuần tra đường bộ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, vệ sinh mặt đường
(Tháng ... năm ...)

(Kèm theo Biên bản số .../BB-... ngày ... tháng ... năm... của ...)

TT	Tên đường	Lý trình		Đánh giá kết quả thực hiện						Ghi chú	
				Tuần tra đường bộ		Đảm bảo trật tự an toàn giao thông		Vệ sinh mặt đường			
				Điểm đầu	Điểm cuối	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt		Đạt
I	Quận/huyện										
...											
II	Quận/huyện										
...											

Ghi chú:

- Đánh dấu “X” vào cột đánh giá kết quả thực hiện “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Nếu hạng mục công việc nào không thực hiện thì không đánh giá và ghi vào cột ghi chú, ví dụ ghi chú: “Không thực hiện công tác vệ sinh mặt đường”.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)



**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB-...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

**Nghiệm thu kết quả thực hiện công tác tuần tra cầu, kiểm tra cầu, cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính, trực gác cầu, trực gác trạm bơm, vệ sinh mặt cầu
(Tháng ... năm ...)**

- 1. Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...
- 2. Địa điểm:
- 3. Thành phần tham dự:
Đại diện (đơn vị quản lý):
- Ông/bà: Chức vụ:
- Ông/bà: Chức vụ:
- Đại diện (nhà thầu):
- Ông/bà: Chức vụ:
- Ông/bà: Chức vụ:

4. Nội dung nghiệm thu

Công tác tuần tra cầu, kiểm tra cầu, cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính, trực gác cầu, trực gác trạm bơm tháng ... năm

5. Kết quả nghiệm thu

Theo Bảng tổng hợp kèm theo Biên bản này

6. Ý kiến của các bên tham gia nghiệm thu (nếu có)

.....

7. Kết luận

Đồng ý nghiệm thu công tác tuần tra cầu, kiểm tra cầu, cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính, trực gác cầu, trực gác trạm bơm tháng ... năm

Buổi nghiệm thu kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm/.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả nghiệm thu hạng mục tuần tra cầu, kiểm tra cầu, cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính, trực gác cầu, trực gác trạm bơm, vệ sinh mặt cầu

(Tháng ... năm ...)

(Kèm theo Biên bản số .../BB-... ngày ... tháng ... năm... của ...)

TT	Tên cầu	Tên đường	Đánh giá kết quả thực hiện												Ghi chú
			Tuần tra cầu		Kiểm tra cầu		Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính		Trực gác cầu		Trực gác trạm bơm		Vệ sinh mặt cầu		
			Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
I	Quận/huyện														
...															
II	Quận/huyện														
...															

Ghi chú:

- Đánh dấu “X” vào cột đánh giá kết quả thực hiện “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Nếu hạng mục công việc nào không thực hiện thì không đánh giá và ghi vào cột ghi chú, ví dụ ghi chú: “Không thực hiện công tác trực gác trạm bơm và trực gác cầu”.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả nghiệm thu hạng mục tuần tra cầu, kiểm tra cầu, cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính, trực gác cầu, trực gác trạm bơm, vệ sinh mặt cầu

(Tháng ... năm ...)

(Kèm theo Biên bản số .../BB-... ngày ... tháng ... năm... của ...)

TT	Tên cầu	Tên đường	Đánh giá kết quả thực hiện												Ghi chú
			Tuần tra cầu		Kiểm tra cầu		Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính		Trực gác cầu		Trực gác trạm bơm		Vệ sinh mặt cầu		
			Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
I	Quận/huyện														
...															
II	Quận/huyện														
...															

Ghi chú:

- Đánh dấu “X” vào cột đánh giá kết quả thực hiện “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Nếu hạng mục công việc nào không thực hiện thì không đánh giá và ghi vào cột ghi chú, ví dụ ghi chú: “Không thực hiện công tác trực gác trạm bơm và trực gác cầu”.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ)



Số: BB-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

**Nghiệm thu kết quả thực hiện vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông
(Tháng ... năm ...)**

1. Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...

2. Địa điểm:

3. Thành phần tham dự:

Đại diện (đơn vị quản lý):

– Ông/bà: Chức vụ:

– Ông/bà: Chức vụ:

Đại diện (nhà thầu):

– Ông/bà: Chức vụ:

– Ông/bà: Chức vụ:

4. Nội dung nghiệm thu

Công tác vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông tháng ... năm

5. Kết quả nghiệm thu

Theo Bảng tổng hợp kèm theo Biên bản này.

6. Ý kiến của các bên tham gia nghiệm thu (nếu có)

.....

7. Kết luận

Đồng ý nghiệm thu công tác vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông tháng ... năm

Buổi nghiệm thu kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm/.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP
Kết quả nghiệm thu công tác vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông
(Tháng ... năm ...)
(Kèm theo Biên bản số .../BB-... ngày ... tháng ... năm... của ...)

TT	Địa điểm	Tổng số vị trí lắp đặt đèn tín hiệu giao thông	Chủng loại đèn tín hiệu giao thông			Đánh giá kết quả thực hiện		Ghi chú
			Đèn xanh-vàng-đỏ	Đèn chớp vàng		Đạt	Không đạt	
				Sử dụng lưới điện	Năng lượng mặt trời			
I	Đèn tín hiệu giao thông hoạt động độc lập							
1	Quận/huyện							
...								
II	Đèn tín hiệu giao thông có kết nối và điều khiển từ trung tâm							
1	Quận/huyện							
...								

Ghi chú: Đánh dấu “X” vào cột đánh giá kết quả thực hiện “Đạt” hoặc “Không đạt”.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 04
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-...

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

Nghiệm thu kết quả thực hiện vận hành hệ thống camera (Tháng ... năm ...)

1. Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...
2. Địa điểm:
3. Thành phần tham dự:
Đại diện (đơn vị quản lý):
- Ông/bà: Chức vụ:
- Ông/bà: Chức vụ:
- Đại diện (nhà thầu):
- Ông/bà: Chức vụ:
- Ông/bà: Chức vụ:
4. Nội dung nghiệm thu
Công tác vận hành hệ thống camera quan sát giao thông tháng ... năm
5. Kết quả nghiệm thu
Theo Bảng tổng hợp kèm theo Biên bản này.
6. Ý kiến của các bên tham gia nghiệm thu (nếu có)
.....

7. Kết luận

Đồng ý nghiệm thu công tác vận hành hệ thống camera quan sát giao thông tháng ... năm

Buổi nghiệm thu kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm .../.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP
Kết quả nghiệm thu công tác vận hành hệ thống camera quan sát giao thông
(Tháng ... năm ...)

TT	Địa điểm	Khối lượng camera			Đánh giá kết quả thực hiện		Ghi chú
		Số vị trí lắp đặt	Số lượng camera	Số lượng tủ điều khiển	Đạt	Không đạt	
1	Quận/huyện						
...							

(Kèm theo Biên bản số .../BB-... ngày ... tháng ... năm... của ...)

Ghi chú: Đánh dấu “X” vào cột đánh giá kết quả thực hiện “Đạt” hoặc “Không đạt”.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 05
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ)

Số /BB-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

Nghiệm thu kết quả thực hiện vận hành hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử (Tháng ... năm ...)

1. Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ...
2. Địa điểm:
3. Thành phần tham dự:
Đại diện (đơn vị quản lý):
– Ông/bà: Chức vụ:
– Ông/bà: Chức vụ:
Đại diện (nhà thầu):
– Ông/bà: Chức vụ:
– Ông/bà: Chức vụ:
4. Nội dung nghiệm thu
Công tác vận hành hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử tháng ... năm
.....
5. Kết quả nghiệm thu
Theo Bảng tổng hợp kèm theo Biên bản này.
6. Ý kiến của các bên tham gia nghiệm thu (nếu có)
.....
7. Kết luận
Đồng ý nghiệm thu công tác vận hành hệ thống bảng thông tin giao thông
điện tử tháng ... năm

Buổi nghiệm thu kết thúc vào ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm/.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
(Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP
Kết quả nghiệm thu công tác vận hành hệ thống
bảng thông tin giao thông điện tử
(Tháng ... năm ...)

(Kèm theo Biên bản số .../BB-... ngày ... tháng ... năm... của ...)

Ghi chú: Đánh dấu “X” vào cột đánh giá kết quả thực hiện “Đạt” hoặc “Không đạt”.

TT	Địa điểm	Khối lượng bảng thông tin giao thông điện tử			Đánh giá kết quả thực hiện		Ghi chú
		Số vị trí lắp đặt	Số lượng bảng	Số lượng tủ điều khiển	Đạt	Không đạt	
1	Quận/huyện						
...							

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
 (Ký tên, đóng dấu)

NHÀ THẦU
 (Ký tên, đóng dấu)

Số: **5130**/SGTVT-KT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 5 năm 2023

V/v hướng dẫn một số yêu cầu về kỹ thuật đối với bộ đèn tín hiệu giao thông sử dụng trong công tác bảo trì đường bộ

Kính gửi:

- Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ;
- Trung tâm Quản lý Điều hành giao thông đô thị.

Trên cơ sở báo cáo của Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ tại công văn số 1816/TTQLĐB-QLHT1 ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc báo cáo kết quả thực hiện thí điểm và đề xuất xây dựng tiêu chí kỹ thuật đối với bộ đèn tín hiệu giao thông (sử dụng ít bóng LED); Ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan (bao gồm: Sở Tư pháp tại công văn số 4200/STP-VB ngày 12 tháng 9 năm 2022; Sở Khoa học và Công nghệ tại công văn số 3709/SKH-CN-QLCN ngày 06 tháng 10 năm 2022; Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 726/VNCPT-NCQLĐT ngày 15 tháng 10 năm 2022).

Sau khi xem xét, Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

1. Qua theo dõi việc thí điểm sử dụng bộ đèn tín hiệu giao thông ít bóng LED từ tháng 10 năm 2019 đến nay, tình hình các chốt đèn đã thí điểm (bao gồm: Trần Hưng Đạo – Nguyễn Văn Cừ; Trần Hưng Đạo – Nguyễn Thái Học; Lê Thánh Tôn – Đồng Khởi; Lý Tự Trọng – Đồng Khởi, Quận 1 và Ngã tư Bảy Hiền, quận Tân Bình) dạng đèn ít LED, nhận thấy hệ thống hoạt động ổn định, tiết kiệm điện, ít có sự cố và đặc biệt là không gây cảm giác chói lóa cho người tham gia giao thông. Đến nay thời gian theo dõi tình hình hoạt động đã gần **5 năm** và các đèn tín hiệu giao thông vẫn hoạt động ổn định không xảy ra tình trạng hư hỏng trong thời gian qua.

- Về thông số kỹ thuật của bộ đèn tín hiệu giao thông (sử dụng ít LED) tiết kiệm điện, đáp ứng và phù hợp với hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, Tiêu chuẩn Quốc gia hiện hành.

- Về giá thành bộ đèn tương đương với đèn tín hiệu giao thông đang sử dụng (loại nhiều LED).

- Các bắt cập về độ sáng, màu sắc,... đến nay đã được điều chỉnh và khắc phục đảm bảo phù hợp.



2. Do đó, để nâng cao chất lượng, tuổi thọ, chuẩn hóa một số mặt đèn của bộ đèn tín hiệu giao thông, đảm bảo tính cơ động trong quá trình hoạt động của hệ thống đèn tín hiệu giao thông, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn một số yêu cầu về kỹ thuật đối với bộ đèn tín hiệu giao thông phục vụ công tác bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông như sau:

2.1 Về nguyên tắc chung:

- Kích thước mặt đèn đảm bảo phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp, có thay đổi về quy định thì áp dụng theo quy định mới nhất.

- Hình thức sử dụng các biểu tượng của mặt đèn (bao gồm: chữ thập, mũi tên chỉ hướng các loại, người đi bộ và đứng chờ, xe hai bánh...) sử dụng dán decal bên trong mặt đèn (không bao gồm đèn số đếm lùi), không thực hiện theo hình thức thiết kế board mạch nhằm đảm bảo tính cơ động và dễ thay thế khi có hư hỏng, mất nét, biến dạng trong quá trình sử dụng.

2.2. Một số yêu cầu chung về bộ đèn tín hiệu giao thông:

- Yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ, hàng hóa đối với đèn LED: theo phụ lục 1 đính kèm.

- Yêu cầu về kỹ thuật: Đảm bảo phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, Tiêu chuẩn Quốc gia hiện hành. Một số yêu cầu về kỹ thuật cần kiểm tra thêm: theo phụ lục 2 đính kèm.

3. Hướng dẫn này được sử dụng cho công tác quản lý, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông do Sở Giao thông vận tải quản lý. Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Quản lý Điều hành giao thông đô thị có trách nhiệm, đồng thời làm cơ sở để kiểm soát chất lượng bộ đèn tín hiệu giao thông trong quá trình thực hiện công tác bảo trì hệ thống tín hiệu giao thông quản lý.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn vướng mắc (nếu có) kịp thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GTVT (GD, PGD/Hung);
- Phòng: QLXDCT, QLKTHT;
- Lưu: VT, HBi.01.



Võ Khánh Hưng

**PHỤ LỤC 1****Yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ, hàng hóa đối với đèn LED**

(Ban hành theo công văn số 5130/SGTVT-KT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải).

1. Hệ thống Quy định:

- Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN 19:2019/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED được ban hành theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN 41:2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ được ban hành theo Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 10885-1:2015 (IEC 62722-1:2014): Tính năng đèn điện. Phần 1: Yêu cầu chung; TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014): Tính năng đèn điện. Phần 2-1: yêu cầu cụ thể đối với đèn điện LED được ban hành theo Quyết định số 3970/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Công bố Tiêu chuẩn quốc gia.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 With AMDI1:2017): Đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm được ban hành theo Quyết định số 3937/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Về việc công bố các Tiêu chuẩn Quốc gia.

- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Quốc gia, quy định khác khác có liên quan.

2. Xuất xứ hàng hóa trong nước:

- Sản phẩm được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam: Sản phẩm phải được công bố hợp quy và được chứng nhận hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Sản phẩm nhập khẩu: Phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

3. Yêu cầu về sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ về ghi nhãn hàng hóa;

- Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 04 năm 2012 của Bộ công thương về việc quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng.

4. Thời hạn sử dụng của bộ đèn tín hiệu giao thông sử dụng đèn LED khi hoạt động (thời gian thấp sáng) tối thiểu 80.000 giờ;

5. Thời hạn bảo hành bộ đèn tín hiệu giao thông (đèn LED) tối thiểu là 60 tháng (không bao gồm thiết bị: bộ nguồn của bộ đèn).

6. Quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm phải công bố hợp quy và được chứng nhận hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.



SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI



PHỤ LỤC 2

Một số yêu cầu về kỹ thuật

(Ban hành theo công văn số 5130/SGTVT-KT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải)

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật			Ghi chú
		Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn, quy chuẩn đề xuất	Phương pháp thử nghiệm	
I	Yêu cầu chung				
1	Sử dụng loại bóng LED ánh sáng màu, màu sắc của lớp vỏ kính đèn xanh/vàng/đỏ	Bóng LED có màu trong dãy bước sóng: Đèn đỏ: từ 610nm đến 631nm Đèn vàng: từ 587nm đến 597nm Đèn xanh: từ 495nm đến 515nm	Nhà sản xuất công bố	TCVN 10885-2-1:2015	
2	Công suất tiêu thụ của bộ đèn ở 100% công suất	≤ 12 W	Nhà sản xuất công bố	TCVN 10885-2-1:2005	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest
3	Quang thông bộ đèn (Lm)	500	TCVN 10885-2-1:2015	TCVN 10885-2-1:2015	
4	Cường độ sáng (cd)	từ 400 đến 800	TCVN 10885-2-1:2015	TCVN 10885-2-1:2015	Đo thực tế
II	Yêu cầu về nguồn sáng, Modun LED				



Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật			Ghi chú
		Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn, quy chuẩn đề xuất	Phương pháp thử nghiệm	
1	Số lượng bóng LED/mặt đèn	Từ 02 bóng đến 05 bóng	Đảm bảo độ sáng, không xảy ra hiện tượng chói lóa gây khó chịu cho người điều khiển phương tiện	Đảm bảo độ sáng, không xảy ra hiện tượng chói lóa gây khó chịu cho người điều khiển phương tiện	Áp dụng cho các mặt đèn D300mm, D200mm, D100mm.
2	Module LED	Thông tin đầy đủ về các thông số	TCVN 10485:2015	TCVN 10485:2015	
3	Bộ điều khiển cấp nguồn cho module	1	TCVN 7590-2-13:2013 (IEC 61347-2-13:2006)	TCVN 7590-2-13:2013 (IEC 61347-2-13:2006)	
III	Yêu cầu đối với bộ điều khiển				
1	Nguồn cung cấp	Điện áp vào: từ 180VAC đến 220VAC Điện áp ra: từ 12VDC đến 24VDC	TCVN 10885-2-1:2015	TCVN 10885-2-1:2015	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest
2	Tần số	50Hz	TCVN 10885-2-1:2015	TCVN 10885-2-1:2015	



Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật			Ghi chú
		Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn, quy chuẩn đề xuất	Phương pháp thử nghiệm	
3	Quy định về ghi nhãn	Phù hợp theo quy định	Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017; Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2017; Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2012	Nhà sản xuất công bố	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest
IV	Yêu cầu về nhiệt độ giải nhiệt cho đèn tín hiệu giao thông trong thời gian hoạt động				
1	Nhiệt độ môi trường xung quanh khi vận hành đối với bộ đèn	$0\text{ }^{\circ}\text{C} < T_a < 70\text{ }^{\circ}\text{C}$	TCVN 10885-2-1:2015	TCVN 10885-2-1:2015	
2	Nhiệt độ bề mặt vỏ bộ đèn (Phần vỏ bảo vệ)	$\leq 80\text{ }^{\circ}\text{C}$	TCVN 7722-1:2017	TCVN 7699-2-14:2007	
V	Yêu cầu về độ kín và khả năng chịu lực đối với phần vỏ bảo vệ				
1	Cấp bảo vệ phần quang và ngăn linh kiện điện	$\geq \text{IP65}$	TCVN 7722-1:2017	TCVN 7722-1:2017	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest
2	Chỉ số IK (độ chịu va đập)	≥ 08	IEC 62262	IEC 62262	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật			Ghi chú
		Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn, quy chuẩn đề xuất	Phương pháp thử nghiệm	
3	Kích thước mặt đèn	Phù hợp	QCVN 41:2019/BGTVT	QCVN 41:2019/BGTVT	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest
VI	Yêu cầu đối với phần an toàn điện				
1	Cấp cách điện	Cấp 2	Đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật về an toàn theo quy định tại QCVN 19:2019/BKH CN	Đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật về an toàn theo quy định tại QCVN 19:2019/BKH CN	Nhà cung cấp cung cấp kiểm định Quatest

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

